

80
INDO-CHINOIS
461

ĐỒ - NAM - TỬ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 9391

THO' NGŨ-NGÔN

(Trích lục báo Nam-Phong)

Fables



1928

CHÂN PHƯƠNG ẤN-QUÁN

HANOI



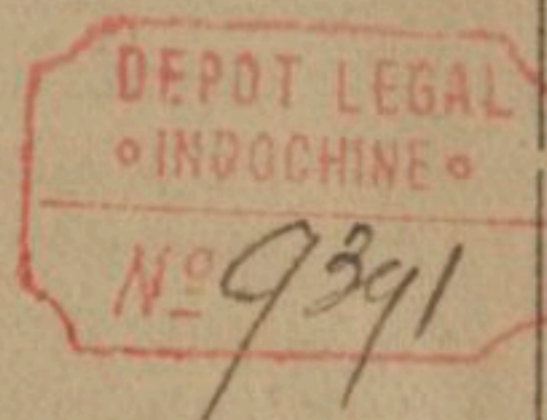
Giá : 0 8 30

MỘT-NGHĨA CHỈ

Soạn-giả giữ bản-quyền



ĐỒ - NAM - TỬ



THO' NGŨ-NGÔN

(Trích lục báo Nam Phong)



1928

8° Indoch.

CHÂN-PHƯƠNG ẤN-QUÁN

HANOI

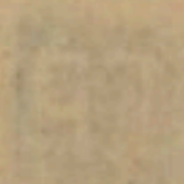
741

Giá : 0 \$ 30

BỘ-NAM-TU

THO NGU-NGON

Trích từ tác phẩm



1958

QUỐC GIA

HANOI

1958

TỰA

Khi tôi định viết tập thơ ngụ-ngôn này, nhân khảo xem lời văn ngụ-ngôn của các nước, có làm ra một bài khảo-cứu xét về tinh-thần uyên-nguyên cùng cách ứng-dụng của lời văn ấy, cứ bài khảo-cứu ấy thì lời văn ngụ-ngôn để dạy trẻ không đâu hoàn-thiện bằng Âu-châu. tức là bộ sách ngụ-ngôn của ông Esope và bộ thơ ngụ-ngôn của ông La Fontaine diễn của ông Esope ra, Nhất là thơ của ông La Fontaine thì học-giới ta ngày nay ai cũng được ngấm-nga cả.

Song nhà giáo-dục cũng như nhà làm thuốc, xét khắp nhân-loại xem có bao nhiêu bệnh thì phải tìm lấy bấy nhiêu thuốc chữa. Sách ngụ-ngôn tây để chữa cái tâm-bệnh người đời, về những chứng phổ-thông chung nhân-loại, thực cũng đã nhiều; mà đến những chứng riêng của từng dân-tộc thời chưa thấu hết được. Có bệnh người tây có mà người đông không, có bệnh người nam mắc mà sách tây không có thuốc chữa.

Lại phong-tục tính-tinh cũng có chỗ khác nhau, đại-khái miếng bánh sữa (fromage) ở bài « Con Quạ với con Cáo » trong sách La Fontaine thì đứa trẻ con tây mới hiểu cái mùi nó lừng đi xa; miếng giò ở bài « Cậu Hai Thọ » trong sách này thì đứa trẻ con Việt-nam mới biết cái vị ngon không chán. Vậy sự giáo-dục của ta, ngoài tập thơ La Fontaine ra, có được một tập đối-chứng lập-phương ngay của ta để chữa những bệnh riêng của ta mà sách tây chưa có thì lại càng hay lắm.

Tôi cũng muốn theo đuổi cái mục-dích ấy, nay viết thứ mới được và bốn chục bài thơ ngụ-ngôn vừa soạn mới vừa diễn thêm cổ-văn Hán-Việt đem xuất-bản và nhân-thẻ in cả bài khảo-cứu ra sau này, để độc-giả tiện xem cho biết cái tinh-thần uyên-nguyên của lời văn ngụ-ngôn ở các nước đông tây cổ kim, mà lượng xét cho tâm lòng « có thích biện-thuyết đâu, là bất-đắc-dĩ đó » về và bốn chục tân-kịch còn con dưới này thì tôi mừng lắm !

Đỗ-nam-tử

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Khảo về lối văn ngụ-ngôn các nước

Văn ngụ-ngôn với những văn tiểu-thuyết, truyền-kỳ, hài-văn, kịch-bản đều thuộc về lối văn bịa đặt cá, cho nên tiếng pháp « fable » là ngụ-ngôn, mà tiểu-thuyết, truyền-kỳ cùng những tin ngoa-truyền cũng là fable cả.

Các thứ văn tiểu-thuyết, truyền-kỳ hài-văn tuy là bịa đặt, song bịa đặt một cách còn giấu-giếm không chịu là bịa đặt, có khi như là việc có thực cũng được. Đến như văn ngụ-ngôn thì lại công-nhiên nhận là bịa-đặt, bịa đặt một cách sờ-sờ ra, có khi nào coi vật hay cái đồ vật mà biết nói bao giờ.

Cứ lấy cái thiên-kiến của những kẻ hay câu-nệ thì tất cho ngụ-ngôn là một lối văn không chính-đáng, không phải là cái bút-pháp tin thực của nhà văn, cho nên ở Đông-phương ngày xưa thì có bài « chiền cồ » giấu ông Mạnh-tử, trích ngay hai truyện ngụ-ngôn của ông mà đặt làm hai câu thơ rằng: « 乞丐焉能有二妻。鄰人安得許多鷄。 Thằng ăn mày sao có hai vợ, hàng xóm lấy đâu làm lắm gà? » Ở tây-phương thì ông Rousseau trích ngay bài thơ ngụ-ngôn « Le Corbeau et Le Renard. Con Quạ với con Cáo » mà phê bác từng chữ rằng: « Cáo mà biết nói ư?... Quạ mà gọi bằng ông ư? »

Cứ kể những chỗ mà người ta đã bác đi đó, không phải là không có lẽ, nhưng mà xem các văn-học-sử của cổ kim đông tây thì lại thấy lối văn ngụ-ngôn này có đã rất cổ, mà đời nào cũng thịnh-hành, từ nhà lập-thuyết, nhà du-thuyết, nhà giáo-dục, nhà chính-trị, đến nhà tôn-giáo, đều lấy lối văn ngụ-ngôn làm một lối văn khuyên răn cho người ta được chóng hiểu, ngay từ khi hai dân-tộc Âu-Á chưa mặt-tiếp nhau chưa đọc lẫn sách vở của nhau, thì lối văn ấy ở đâu cũng đã có đủ

tin-hồn thể-tài mà cũng giống nhau như hột ròi, thì biết cồ-nhân đều có sở-kiên, chứ không phải là sự ngẫu-nhiên đâu.

Ông Mạnh-tử là một nhà đại-giáo-dục có nói rằng : « Dạy cũng có nhiều mẹo » làm sao mà dạy lại phải có nhiều mẹo là vì trí-thức người ta có cao hạ khác nhau, nên cách dạy cũng phải có thiên thâm tùy từng bậc. Trường học kinh sử, đạo-lý là chính phép, là con đường ngay, là cách trực-tiếp của sự giáo-dục, mà nhà hát, bức họa, bài tiểu-thuyết có nghĩa chính-đáng thì là mẹo, là con đường tắt, là cách gián-tiếp về sự giáo-dục cả đó, biết như thế thì biết cái dụng ý về lối văn ngụ-ngôn của cồ-nhân vậy.

Học trò ông Mạnh-tử là Công-Đô-tử hỏi ông rằng : « Người ngoài ai cũng bảo thầy là hay biện-thuyết. » Ông nói : « Ta có hay biện-thuyết đâu, ta bất-đắc-dĩ đó ». Cứ ba chữ « bất-đắc-dĩ » của ông Mạnh-tử là đủ dãi tỏ cái thâm-ý cái khỗ-tâm của các nhà ngụ-ngôn đông tây xưa nay, bất quá cũng là dùng cái mẹo hay cái đường tắt về sự giáo-dục đó mà thôi, coi đó thì biết những lời bài-bác trên kia thực là biết một mà chưa biết hai vậy.

Văn ngụ-ngôn đã chuyên về phương-diện khuyên răn và muốn cho chóng hiểu, thì nhà làm văn ngụ-ngôn phải có cái bụng công-chính, bao giờ cũng lấy nhân-tâm thể-đạo làm mục-đích, lại phải trải qua các lối diễn-kịch, hoạ-hội và mĩ-thuật để mà bày vẽ cái trạng-thái của từng tấn kịch cón-con bằng dăm ba lối thông-tục mà linh-hoạt, khiến cho người dễ cảm, chỗ nào cũng có ý kích-thích mà phải mỉm cười, hư đó mà thực đó, tầm-thường đó mà cao-xa đó, vật đó mà người đó, nói tóm lại ngụ-ngôn là cái lời nói có ngụ ý, thề mà thôi.

Nay đem các lời văn ngụ-ngôn ở Trung-quốc, ở Ấn-độ, ở Hi-lạp, ở Pháp-quốc cùng ở Việt-nam ta giải bản ra sau mà xem cái tinh-thần uyên-nguyên cùng cách hiệu-dụng khác nhau thế nào.

Văn ngụ-ngôn ở Trung-quốc - Cứ xem các văn-học-sử thế-giới thì lối văn ngụ-ngôn có lẽ có sớm nhất từ Trung-quốc, tức là bài thơ « Qua 鷓鴣 » nói cái nghĩa yêu nước của ông Châu-công đời nhà Châu, trước tây-lich ước hơn một nghìn năm, (có diễn ra thơ nôm ở bài số 1, quyển thứ nhì sách này và có dẫn tiểu-truyện ông Châu-công cùng in toàn-văn chữ hán bốn bài thơ ở dưới tiểu-chú bài ấy). Bài này là thủy-tổ lời ngụ-ngôn ở Đông-phương mà về sau cũng chỉ có một bài này là vận-văn, còn thì là tản-văn cả.

Xuống đến đời Đông-Châu hơn bốn trăm năm, thời-cục xoay ra cái thế liệt-quốc cạnh-tranh, học-thuật tự-do, tư-tưởng tự-do, ngôn-luận tự do, nhân đó triết-học văn-học đại-tiên, các phái học-giả đua nhau nào lập-thuyết, nào du-thuyết để khuyên răn người đời, mà lối văn ngụ-ngôn về thời ấy cũng phát-đạt lắm, có hai nhà trứ-danh là ông Trang-tử với ông Mạnh-tử.

Ông Trang-tử ở đời Xuân-thu, ông muốn phát-huy một môn triết-học cao-siêu ra, nên văn của ông phải dùng nhiều những nhời ngụ-ngôn để diễn tả, như nói : « Con Bọ-ngựa chông với cái bánh xe » - xem bài thơ số IV, quyển thứ nhì sách này - ; « Con Chó bằng cỏ đã tê thần rồi » - thiên Nhân-gian thế-, v.v. Song còn là nói đẽm vào câu văn, chứ chưa kết-cấu thành truyện, thành truyện thì như bài « Thần sông với Thần bèo » - xem bài thơ số III, quyển thứ nhì sách này -, ý là chê kẻ vọng-tự tôn-đại.

Ông Mạnh-tử là một nhà đại-triết ở đời Chiến-quốc, ông muốn cứu cái đời hôn-loạn ấy, nên văn ngụ-ngôn của ông nói kích-thiệt lắm, như trào-phúng kẻ đi cầu-cạnh phú quý thì có truyện « Anh chàng hai vợ người nước Tề »; răn kẻ muốn chóng thì có truyện « Lão người nước Tống kéo lúa lên »; công-kích lời bàn sẽ giảm thuế thì có truyện « Thăng ăn cắp gà » — Ba truyện này có diễn ca ở các bài số V, số VI, số VII, quyển thứ nhì sách này.

Đó là lược kể mấy bài ở hai pho sách Trang-tử và Mạnh-tử, còn các người thuyết-sĩ ở hai thời-đại ấy cũng có nhiều truyện ngụ-ngôn hay lắm, như truyện : « Con Bọ-ngựa dính con Ve » — xem bài số II, quyển thứ nhì sách này — của Thái-tử Hữu nước Ngô, nói cái nghĩa các nước mưu hại lẫn nhau ; truyện « Người Sứ-giả mua xương ngựa thiên-ly » — xem bài số VIII, quyển thứ nhì sách này — của Quách-Ngỗ nói về sự cầu hiền ; truyện « Ông Tăng-Sâm giết người » — của Cam-Mậu, nói cái ý không nên tin gièm ; truyện « Người Biện-Trang đâm hổ » — xem bài số X, quyển thứ nhì sách này — của Trần-Trần nói cái kế đánh một đực hai. Đó là những truyện ngụ-ngôn đã có tiếng. Đến như truyện « Trai Cò » — xem bài số IX, quyển thứ nhì sách này — của Tô-Đại nói cái nghĩa giữ giăng lẫn nhau sẽ lợi cho kẻ đứng bên, thì lời văn và cách kết-cấu y như văn ngụ-ngôn tây. Từ Tần trở xuống, văn học suy dần, lối văn ngụ-ngôn cũng không thịnh-hành. Đời vua Tuyên-đê nhà Hán có một truyện « Chữa chệch cửa sổ bếp lại mà dọn đồng củi đi 曲突徙薪 » của một người thuyết-khách vô-danh dâng vua kể công cho Từ-Phúc. Truyện này chép ở Sử-ký, còn sách ngoài cũng còn mấy bài như « Con ngựa của ông Lão trên cửa ải » — xem bài số XI, quyển thứ nhì sách này ; truyện « Con lợn ở Liêu-đông » và truyện « Đánh dấu

thuyền tìm gươm » v.v., song đại-đế không lý thú bằng cò cá.

Lối văn ngụ-ngôn ở Ấn-độ — Ở Ấn-độ về hồi Phật-giáo toàn-thịnh, tức là hồi văn-học triết-học Ấn-độ toàn-thịnh, thì lối văn ngụ-ngôn cũng phát-đạt ở trong nhà chùa. Trong kinh sách Phật-giáo có chia ra một thể văn để cảm-hóa cho bọn « độn căn chúng-sinh » nghĩa là những người dốt, ngu, gọi là văn « thí dụ » thí dụ tức là ngụ-ngôn đó. Song lối văn ấy về cái tư-tưởng xuất-thê, khác hẳn với cái tư tưởng nhân-sinh của xã-hội ta, đây chỉ lược thuật một truyện cho biết cái ngạnh-khái mà thôi. Truyện tả về đời người nói : « Có một người bị bốn con cuồng-tượng nó đui, người ấy chạy đến một cái hồ sâu vô-đề, miệng hồ có một cái dây leo thông xuống, người ấy bám dây lên xuống, đến nửa chừng, trông xuống thì thấy những giồng độc ác, trông lên thì thấy có hai con chuột đang gặm cái dây » người ấy chỉ người đời, bốn con cuồng-tượng ví bốn cái nghiệp nó khu-bách người ta, cái dây ví đời người, hai con chuột gặm ví ngày tháng mòn mỏi, dưới hố ví nơi sa-đọa, nghĩ đến đời người như thế, đáng sợ biết bao, vậy cần phải tu cho giải-thoát.

Lối văn ngụ-ngôn ở Âu-châu — Ở Âu-châu có hai nhà đại-gia chuyên-trị về lối văn ngụ-ngôn, xét tinh-thần thì cũng giống như văn ngụ-ngôn Trung-quốc, nhưng đến cái phương pháp đem dùng thì khác hẳn, hai nhà ấy là ông Esope với ông La Fontaine.

Ông Esope là người Hi-lạp vào hồi thế-kỷ thứ sáu trước Tây-lịch. Hi-lạp vốn là cái chỗ tổ tích văn-học triết-học của Âu-châu về thượng-cổ, cũng như Châu Lỗ ở Đông-phương. Lối văn ngụ-ngôn của Hi-lạp có đã xưa lắm, trước đời Socrate phụ-tử đã có nhiều bài hay, đến Esope mới tổ-thuật mà soạn hẳn ngay ra một bộ sách ngụ-ngôn chuyên để dạy tr-

kể các văn ngụ-ngôn ở Trung-quốc, ở Ấn-độ và ở Hi-lạp, tuy đều là văn khuyên răn, song hoặc làm-thời mà làm ra, hoặc làm ra để dạy hạng người đã lớn tuổi mà thôi, cho nên tản-mát cả ở các sách khác, đến như soạn riêng ngay ra làm sách huấn-mông thú-vị thư 訓蒙趣味書 thì thật mới sáng-kiên ra từ ông vậy.

Ông là một bậc danh-nho mà người xấu-xí đến không ai buồn nhìn, thân-thể vất vả, bị « mả nô » đi mấy lần, ai không tưởng rằng lịch-sử của ông là một lịch-sử để cho thiên-hạ vạn-thế về sau phải thương hại, phải tức cười cho cái hẩm-hiu của ông, thế mà sách của ông thì lại thành ra ông phải thương hại, phải tức cười cho cái si-cuồng của thiên-hạ vạn-thế về sau, đan-cử như truyện : « Con dơi với hai con Cây — La Chauve-Souris et Les deux Belettes » thì rõ là « đi với Bụt thì mặc áo cà-sa, đi với Ma thì mặc áo giấy ». Truyện « Cái Nồi đất với cái Nồi sắt - Le pot de terre et le pot de fer » thì thật không nên tậu voi chung với đức ông ». Truyện « Con chó Sói với con Chiên con — Le Loup et L'Agneau » thì « dứa ngán cổ chẳng còn kêu vào đâu được nữa ». Truyện « Mặt trời với loài Cóc-nhái, - Le Soleil et les Grenouilles » thì rửa kẻ cuồng bạo đến cụt cuối cụt ngọn, người Âu-châu xưa nay lấy sách ông làm kim-khoa ngọc-luật cho trường-ấu-học, bây giờ thì dịch ra hết các thứ chữ trong thế-giới, nước Pháp thì ông La Fontaine diễn hẳn ra làm thơ tiếng Pháp.

Ông La Fontaine là một nhà thi-nhân nước Pháp về thể-kỷ thứ mười bảy, mới đem sách ngụ-ngôn tán-văn của Esope bằng chữ Hi-lạp, diễn ra thơ tiếng Pháp, được sáu quyển đề là « Y-sách ngụ-ngôn diễn ca của La Fontaine — Fables d'E-

sope mises en vers par M. de La Fontaine ». Sau lại nối thêm thành 12 quyển cũng là thơ cả, hợp làm một bộ tổng-danh là : Fables de La Fontaine.

Lối văn ngụ-ngôn ở Việt-nam - Văn ngụ-ngôn Việt-nam ta có đủ hai thể văn vần văn xuôi về hai thứ chữ Hán-ngữ và Việt-ngữ (chữ nôm), xét ra thì chừng có tự đời Trần-mạt mà thịnh-hành ở đời Hậu-Lê là thời văn-học toàn-thịnh.

Về Hán-ngữ — Những truyện bằng Hán-ngữ đều là tản-văn cả, như truyện « Con Long với con Hồ ganh thi nhau **龍虎鬪奇記** », nói tác-giả người đời Hậu-Trần tránh nạn quân Minh mà làm ra, ý truyện bênh con Long là nhân, chê con Hồ là bạo, nhưng nhờ văn khuyên-sáo chấp-nhặt, không có tư-tưởng gì mới.

Truyện « Cóc đi thi **蟾蜍登龍門** » của ông Lê Qui-Đôn, đại-lược nói : « Cóc theo loài thủy-tộc lên cửa Long-môn thi, Long-vương thấy lạ hỏi : « Cái quái vật gì mà bụng to da kẹch thế này ? » bèn đập cổ cóc xuống, » truyền rằng ông khih một ông quan triều nào thô-bỉ mà làm ra, song cũng là câu truyện bài-ngược mà thôi.

Duy có ba truyện sau này đều khuyết-danh tác-giả mà đều có nghĩa hay lắm, như truyện « Con Gà với con Mèo, con Chó, tên cũ gọi là **三物傳** », ý là cho văn cũng không kém gì vũ, nên nói : Mèo kể công bắt chuột, Chó kể công giữ trộm, Gà cũng kể công dạy sớm gọi con nhà chủ dạy học cho thành tài thành đức ». Còn truyện « hội-nghị súc-vật, tên cũ gọi là **代牛言** » để răn kẻ lừa; truyện « Con Ve với con Nhặng **羽虫舟勝** » thì cực tả con Ve là thanh mà con Nhặng là chọc (hai truyện sau này đã diễn ca ở số XIV, và XV, quyển thứ nhì sách này.)

Về Việt-ngữ — Những truyện ngụ-ngôn bằng Việt-ngữ thì là vận-văn cả; nay đọc còn thấy tinh-thần lý-thú không kém gì thơ La Fontaine.

Có bốn bài đoản-thiên vẫn dùng làm bài hát ru em, nên đàn bà con trẻ đều thuộc lòng cả, nhưng thơ tuy nhờ giản-đị mà ý sâu-xa, ta không biết lợi-dụng để khai trí cho trẻ, không ai cắt nghĩa ra bao giờ thì trẻ chỉ biết hát mà không hiểu gì cả.

Bốn bài là: 1. Bài «Con Gà cục-tác lá chanh», ý nói người đời chỉ đời lấy cái chết (xem bài số XII, quyển thứ nhì, sách này) 2. bài «Con Mèo chèo cây cau» ý nói kẻ mạnh vốn vô-tình (xem bài số XIII, quyển thứ nhì sách này). 3. Bài «Con Cò đi ăn đêm» ý nói không quên ơn tê-độ. 4. Bài «Vợ chồng chim chích nuôi bốn con thơ đầu sơ-sinh» tả về cái trạng-thái kẻ bình-dân.

Lại có hai truyện tràng-thiên, xuất bản đã lâu; là truyện «Trình Thử 貞鼠傳» với truyện «Trò Cóc 鸚鵡傳» nay tuy sai suyển nhiều chữ mà vẫn còn hay, kết-câu thật-thà, tả mạt-kỹ càng, nhờ văn tuy cổ mà nhẹ nhàng, bao biếm mát-mé, thật là có nghĩa «ngôn chi giả vô tội, văn chi giả tức dĩ giới» của nhà phong-nhân Đông-phương, nghĩa là lời nói vô tội mà người nghe phải chừa vậy.

1. — Truyện Trình-thử, nói tác-giả là một người học trò tên là Hồ-sinh, ở đời Long-khánh vua Duệ-tôn nhà Trần, nhân ra kinh-thành chơi, trọ ở bên dinh Thủ-tướng Hồ Quý-Ly, có sê cảm mà làm ra. Có phải thật tác-giả ở thời ấy, thì Quý-Ly lúc đó đã có chí khác, đang kết-hợp vây cánh, nên tác-giả biết mà lấy làm thâm-bĩ. Truyện tả một con chuột bạch

cái goá chồng nuôi lữ con thơ, nhân vào dinh Thủ-tướng Hồ Quý-Ly kiêm mỗi, bị chuột đực dỏ dành ve vãn, vợ chuột đực ngờ vực, thành tiếng oan, nghĩa truyện đến đây là hết. Tác-giả lại làm đôi ra một đoạn nữa là vợ chồng chuột đực và chuột bạch ghen tuông cãi-cọ om xòm để khôi-hài.

Trong truyện những lời kiêu-trinh của chuột bạch đã cố-nhiên đi rồi, đây chỉ lược trích mấy lời chuột đực dỏ dành thật ra khẩu-khí của một kẻ tham-phu mà khéo nói.

Chuột đực trước còn :

« — Đã hay trong đạo vợ chồng,
Nghĩa xâu tình nặng há lòng chẳng thương.
Kinh quyền đôi lẽ là thường,
Được nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi.»

Chuột bạch không nghe, nói :

« — Đã là tai mắt ở đời,
Cứ mình chớ bắt chước người vạ-danh.
Suy trong thế-thái nhân-tình,
Hề là miễn được tch mình thì thôi....»

« — Đem con sang ở bên này,
Phòng khi âm lạnh đỡ thay cho mình.»

Cũng không được bèn dậm ra giọng vói

« — Chúa xuân dầu có đánh-hanh,
Đền vườn cũng bẻ một cành cho cam l....»

Nhưng cũng không ăn thua gì cả.

2. — Truyện Trê-Cóc tả về quan tham lại những, sự kiện-cáo vô-ích, không có tên tác-giả. truyện nói : Con Cóc đi kiện Cá Trê nhận sít mất con. Quan Phủ Hải-giang với Thông Tôm ăn lễ, bảo : Con nòng-nọc giống Trê như hệt, Cóc vu không, phải phán-toạ bị giam. Vợ Cóc đi tìm được trạng-

su Nhái-bén, Bén rằng :

« — Ở đời là kiếp phù-sinh,
Giông nào giông ấy tranh hành làm chi....

« — Để cho Tré nó bù-trì,
Rụng đười nó lại tìm về là hơn.... »

..

Văn là cái khí-khái của người ta phát-lộ ra, nhất là những văn thuyết-bộ ca-kịch lại càng dễ phát-biểu cái tinh-thần hiếu-thương của các dân-tộc ra hơn là sách khác. Nay ta khảo qua các lối văn ngữ-ngôn thế-giới trên đây, Đông-phương thì có vẻ trang-nghiêm phác-thực, Thiên-trúc thì có vẻ trầm-nất mơ màng, Âu-châu thì có vẻ hoạt-bát hóm-hỉnh, như thế mà ở đâu dạy dỗ hun đúc cho đây, mấy trăm nghìn đời, truyền làm truyện-chí, diễn ra phong-tục, dựng nên sự-nghiệp, nhất-đán gặp nhau, xô xát nhau, ai quyết mà ai ngay, ai khôn mà ai dại, ai mạnh mà ai yếu, cho đến ai thành mà ai bại, có thể suy biết được ít nhiều cái sở-di-nhiên.

Đỗ-nam-tử

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

QUYỂN THỨ NHẤT

I - Cái Giá-áo trước cửa hàng (1)

Một hôm hai cậu học-sinh,
Rủ nhau đi dạo chơi quanh Kiếm-hồ. (2)
Trông lên thấy một hiệu to,
Đường-đường có một trượng-phu đứng ngoài.
Cậu nọ rằng : « Uầy kia ai,
Bánh thay đang diện ở ngoài cửa hiên ?
Trần đầu cũng xoắn râu lên,
Cũng đeo «cà-vạt» áo «len» khoác ngoài. (3)
Xem chàng chẳng kém chi ai,
Mà sao cái mặt cứ ngay cán-tàn. (4)
Như người chẳng có ruột gan,
Hớm đời chỉ cốt khoe khoang bộ mồm ».
Cậu kia rằng : « Thực như lời,
Giá treo áo đấy, anh ơi lạ gì.
Cậu nọ rằng : Thật thế thì,
Nếu mà «dái áo» (5) nhiều khi bị lừa.

1 — Những cửa hàng bán áo «pardessus» hay làm những thangka phẳng bằng gỗ, có đầu có mặt hần hơi, để đứng ngoài trước cửa hàng làm giá treo áo (porte-manteau) để bán.

2 — Hồ Hoàn-Kiểm Hanoi, xung quanh có nhiều cửa hàng to.

3 — Cà-vạt (Cravate) là cái dây đeo cổ. Len (laine) là đồ dệt bằng lông.

4 — Tục-ngữ : « Mặt ngay ra như cán tàn » ý nói ngu dốt không hoạt-động.

5 — Dái = Kính sợ « Tục-ngữ có câu : « Quen dái dạ, lạ dái áo ».

II -- Con Mồi với đàn Kiến

Con Mồi trong nhà trông ra,
Thấy một đàn Kiến đang tha cái mồi.

Mồi gọi bảo : « Kiến ơi các chú,

Tội gì mà lao-khổ lắm thay !

Làm ăn tìm kiếm suốt ngày,

Mà sao thân-thể vẫn gầy thể kia !

Chúng ta đây chẳng hề khó-nhọc,

Mà ổ-é béo trọc béo tròn,

Ở ăn ghế treóc bàn tròn,

Nhà cao cửa rộng tủ hòm thiếu đâu.»

Kiến rằng : « Trên địa-cầu muôn loại,

Hễ có làm thì mới có ăn.

Sinh-tồn (1) là cuộc khó-khăn,

Vì đàn vì tổ nên thân gầy gò.

Các anh chẳng vun-thu xừ-xở,

Cứ đục vào chỗ ở mà xơi.

Đục cho ruỗng hết mọi nơi,

Nhà kia đồ xuống đi đời các anh !»

1 — Sinh-tồn 生存 = Sống mà còn lại, thuyết Thiên-diễn
nói : Vạn-vật cạnh-tranh nhau, giông nào mạnh thì sống mà còn lại.

III -- Con Chuột nhất với con Trâu

Chuột bắt nọ nhân đi kiếm chác,
Qua chuồng Trâu mới tạt vào chơi.
Thấy Trâu vừa đứng vừa xơi,
Đồng rơm to-tướng dề dài dấy hiên.
Chuột nhất nghĩ bụng thêm phú-quí,
Chào Ngưu-lang (1) rú-rỉ truyện-trò :
« Ngài xơi đây một bữa no,
Baug lương mười tháng cả lò nhà tôi.
Mà ngài vẫn được rồi rào mãi,
Hết rơm vàng thì lại cỏ xanh.
Thức ăn xối, thức dề dành,
Ngôn-ngang từng đồng từng khênh thiếu gì.
Chúng tôi thì nhiều khi thiếu-túng,
Một hột rơm tìm cũng khó khăn.
Ông Trời sao ở chẳng cân,
Ăn nhiều thì sẵn ít lần chẳng ra (2). »
Trâu rằng : « Sự nghiệp ta trọng-đại,
Phải làm nhiều nên phải ăn nhiều.
Aub tuy ăn chẳng bao nhiêu,
Nhưng không làm được chỉ keo của người.
Đạo Trời công của Trời chan-chứa,
Trời không cho những đũa không làm. »
Chuột nhất nghe nói phàn nàn :
« Làm ăn tũn-mủn thì càng lụi đi. »

1 — Ngưu-lang 牛郎 = Diên cổ là tên một vị sao trên trời,
nghĩa là chàng Trâu, tiếng Ngưu-lang để nói cho lịch sự.

2 — Tục-ngữ có câu : « Ông Trời sao ở chẳng cân, nơi ăn chẳng hết
nơi lấu chẳng ra »

IV — **Tốt mã Dẻ-cùi** (1)

Đàn chim một buổi hội bàn,
Cầu-tài để giúp cho đàn thịnh lên.

Dẻ-cùi ứng-cử đầu tiên,
Ngoài diện bộ cánh mùi huyền (2) rất sang.

Đuôi dài tha-thướt dịu-dàng,
Đỏ chân đỏ mỏ nghênh-ngang đi vào.

Cả đàn trông thấy khen lao,
Mừng được công-tử tài cao khác thường.

Dong-nghi đáng bậc văn-chương,
Vị đem so với phượng-hoàng kém đâu.

Cả đàn ký-kết thuận bầu,
Tôn làm hội-trưởng đứng đầu hội-viên.

Dẻ-cùi vốn tinh đã quen,
Vào vườn hoang để riêng tìm thức ăn (3).

Đàn cho thám biết mắng rằng :
«À thằng tốt mã ra thằng tham-ô !

Xưa kia những đấng học-trò,
Chỉ chăm tài đức ai phô áo quần.»

Mắng rồi tuyên-bố xa gần,
Đuối Dẻ-cùi khỏi đồng-quần xấu lây.

1 - Mã = Vẻ chim là bộ lông đẹp, vẻ người là bộ áo đẹp. Tục-ngữ :
«Tốt mã Dẻ-cùi» là nói con chim Dẻ-cùi, bộ lông thì đẹp mà hay ăn bần,
vì tục truyền rằng nó hay ăn phân trâu phân chó, nên thường xuống
vườn vắng kiếm ăn.

2 - Lông chim Dẻ-cùi mùi huyền, mà áo mùi huyền là quý.

3 - Nói tìm thức ăn mà ăn một mình.

V -- Cắt Đó (của) người, người cắt Thời (của) ta.

Anh Giáp vác một cái Thời,
Ra ngồi đặt xuống thì trời mưa to.
Mưa to nước chảy ò-ô,
Vô-số cá mú chạy xô vào Thời.
Giáp ta hí-hởn mỉm cười,
Lên bờ đứng ngắm các nơi cánh đồng.
Xa-xa ở mé bờ sông,
Thấy anh Ất đặt Đó xong trở về.
Giáp bèn lội dền tức thì,
Nhắc Đó xem đã có gì hay không.
Thò tay sục tận vào trong,
Vớ được con chuỗi bằng « dòng-dọc » (1) khâu.
Bỏ vô rỏ chạy lên mau,
Vừa đi vừa hát rồi sau huýt còi.
Lâu lâu mới lộn về ngồi,
Thấy Thời ai đã róc rỏi còn chi.
Dậm chân căm rỏ vất đi,
Rằng: « Tham con chõn (2) mất xề (3) cá to. »
Thì ra Ất cũng tò-mò,
Cũng phùng kiếm chác máu bò (4) tiết bê,
Cái khi mà hẩn trở về,
Thấy Thời nhiều cá ngửa xề rốc luôn.
Thế-gian còn đại chữa khôn,
Của mình chẳng giữ chỉ nhòm của ai.

1 -- Dòng-dọc là một cái ống tre con vừa tay cầm, để kéo dây khâu dai.

2 -- Chõn là con cá chuỗi nhỏ.

3 -- Xề là cái rỏ to, cũng gọi là rỏ xề.

4 -- Tục-ngữ « Máu bò cũng như tiết bê » máu cũng là tiết, bò cũng là bê, nghĩa là cũng cùng một giống một tính-tính với nhau.

VI — Con Vẹt nhà với đàn Vẹt rừng

Vẹt nhà một buổi xỏ lồng,
Nhớ quê bay thẳng vào trong rừng già.

Vẹt rừng trông thấy chạy ra,
Chào mừng anh bạn đi xa mới về.

Vẹt nhà thấy bạn chân quê,
Xôn-xao những giọng ngô-nghê vô-tình.

Rằng: « Nay đang buổi văn-minh,
Mà anh em chẳng học hành theo ai,

Dã-mạn quen thói giọng dài,
Liệu ra ăn nói với đời được sao. »

Vẹt rừng rằng: « Học thê nào ?
Xin anh trở néo đồng-bào cảm ân. »

Rằng: « Học tiếng nói rất cần,
Hiểu tiếng người mới theo chân kịp người.

Thấy mình thông được vài lời,
Chủ-nhân ai chẳng tranh nuôi nấng mình.

Cách ăn cách ở văn-minh,
Phong-lưu hơn chôn rừng xanh ta nhiều.

Chủ còn nhiều sự tin yêu,
Tự-do ăn nói trèo leo trước nhà. »

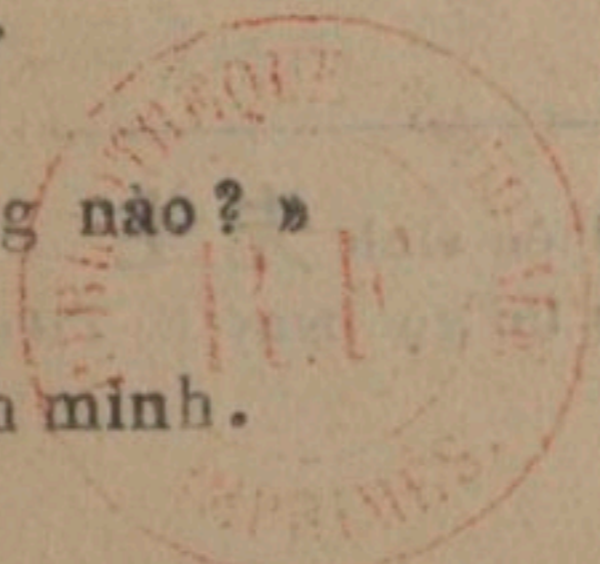
Vẹt rừng rằng: « Thực vinh-hoa,
Mình vinh-hoa thê còn bà-con sao?

Ví học thêm được cho cao,
Đem về khai-hóa đồng-bào mới ngoan.

Chớ như bập-bẹ khoe khoang,
Vội vàng quên tổ quên đàn sao nên.

Khuyên anh lập chí cho bền.
Con đường theo học liệu nên đường nào? »

Vẹt nhà nghe nói thẹn sao,
Giương hai cánh thẳng bay cao lánh mình.



VII -- Con Hươu với con Lợn

Hươu nhân hổ đuổi chạy quàng,
Chạy vào trong trại tìm đường ẩn thân.

Tới nơi chuồng lợn dừng chân,
Trong chuồng thấy lợn vừa nằm vừa rên.

Nỉ-non rên-rĩ đòi phen,
Hươu thương Lợn hỏi bệnh-nguyên thế nào ?

Lợn rằng : « Anh ở đâu vào ?
Nào ai đau ốm anh sao nói liều.

Chúng ta vô-sự nằm quèo
Ngâm thơ ngâm-thiền để tiêu-khiến sẵn. »

Hươu rằng : « Muông dữ hung-hăng,
Chỉ đem sức mạnh mà ăn hiệp tràn.

Tôi vừa bị tướng Hồ-lang,
Đuổi tôi chạy tạt trên ngàn tới đây.

Ví hẳn lại tới đây ngay,
Tiên-sinh (1) tặng hẳn thơ hay mấy vần ? »

Nói rồi Hươu vội dời chân,
Khởi làng nghe « oét oét » râm-rĩ kêu.

Thì ra Hồ đên vô Heo,
Hươu mừng thoát khỏi hiểm nghèo hai phen.

Mới hay thời buổi đua chen,
Lanh-trai thì được ươn-hèn thì thua.

1 — Tiên-sinh 先生 = Ông thầy đạo học. Hươu thấy Lợn khoe ngâm thơ thì gọi ngay là Tiên-sinh.

VIII - Cái Đèn Ló (1) với cái Đèn Cây (2)

Đèn Ló đứng với Đèn Cây,
Hai anh ganh tị ai hay ai hèn.

Đèn Ló nói : « Này Đèn Cây hỡi!
Mày chẳng soi được tới nơi xa.

Loanh-quanh trong chỗ xó nhà,
Biết gì những sự gian-tà đâu đâu.

Ta chiêu khắp vườn sau ngõ trước,
Bắt những quân trộm cướp chẳng sai. »

Đèn Cây rằng : « Vẫn chịu ngài,
Ngài sáng hơn ngọn đèn trời của dân.

Song ngài thử xét thân ngài tí,
Từ trên đầu cho chí sau lưng.

Vì dù ô-uế thành tằng,
Dễ thường ngài cũng chưa từng xét qua.

Tôi tự biết lập lòe phận nhỏ,
Nên phải soi sáng tỏ lấy mình. »

Hai đèn ai ám ai minh,
Mấy lời cãi cọ rành-rành khác nhau.

« Cầm đuốc » chớ như câu ngạn-ngữ :
Chân không soi chỉ cứ soi người.

1 Đèn ló soi bắt trộm, thân đèn là một cái ống sắt kín có cửa, trong có bầu dầu thắp ngọn đèn, cửa lắp miếng kính lồi, chiếu sáng đi vừa xa vừa tỏ.

2 — Các thứ đèn có chân để bàn.

IX — Con Tôm với con Sứa (1)

Việc gì biết tỏ sẽ làm,
Mập-mờ chớ có vội-vàng nghe ai.
Tôm với Sứa ngẫm lời ví cổ,
Trí khôn ta cũng bỏ-ích thêm.

Sứa to nhưng chậm như sên,
Thật-minh (2) từ thuở tiên-thiên (3) sinh-thành.
Tôm bé nhỏ mà nhanh như cắt,
Lại có hai con mắt tinh ranh.

1 — Sứa là loài động-vật ở dưới bề mặt rớt như mũi, to bằng cái nĩa, có tua ra như chân rêu, mà không có ngũ quan và tạng phủ, khi im lặng thì nổi lên mặt nước theo triều nước trôi đi, những con tôm nhảy lên nằm trên mình Sứa đón cái mồi dạt vào mà ăn, hề thấy bóng người hay cái gì động nước thì Tôm nhảy xuống nước mà chạy. Sứa cũng lặn mặt, cho nên cổ-ngữ nói: **水母無目以蝦爲目** Sứa không có mắt lấy Tôm làm mắt. Thực ra thì con Tôm có ích cho con Sứa, nhưng bài này mượn nghĩa mà cho con Tôm lừa con Sứa, để răn kẻ hay cả tin.

2 — Thật-minh **失明** = mất sáng, mù (y-học).

3 — Tiên-thiên **先天** = Từ trời sinh ra trước, (y-học) nghĩa là bẩm-thụ từ khi chưa đẻ về trước.

Tôm bèn đến rủ Sứa-huynh :

Anh em ta quyết đồng-hành ra khơi.

Sinh-nhai chỗ bể trời rộng-rãi,

Khỏi nhom-nhem sù bãi lau bờ.»

Sứa rằng : « Vẫn thê nhưng mà,
Tôi đây chân chặm mắt lòa đi đâu.»

Rằng : « Bác chớ lo âu chi nữa,

Cứ cố công nằm ở dưới bơi.

Trông nom trên đã có tôi,

Nạn ta cùng tránh mà lời cùng chia. »

Sứa bùi tai xin nghe như ước,

Chở Tôm theo dòng nước bơi đi.

Được mời Tôm nghiệm tí-tì,

It nhiều Sứa có biết gì bấy lâu.

Bỗng thấy bóng thuyền đâu sắp đến,

Tôm vội-vàng cất lên thoát thân.

Sào chèo tươn đèn ầm-ầm,

Sứa không chạy kịp sào đâm tan tành.

Khi biết hồi thì mình đã nhão,

Còn lạ gì Tôm-dảo (1) xưa nay.

1 - Tôm-dảo là giống tôm ở nước mặn bé hơn tôm he mà to hơn tôm sông, vì có tiếng Hán-ngữ : Đảo 狡 là gian dối, nên mượn tiếng mà cho Tôm-dảo là thứ tôm gian đảo.

X -- Con Mèo-cái già đeo chuỗi tràng hạt

Chuột con đứng thập-thò cửa lỗ,
Gọi mẹ ra xem mụ vãi mèo.

Vừa mừng vừa gọi vừa reo :

« Mẹ ơi ! Bà cụ Mẫn đeo chuỗi tràng ;

Miệng lẩm-bẩm cụ đang niệm Phật,
Bước khoaa-thai rõ thật hiền lành,

Từ rày cụ đã tu-hành,
Từ-bi cụ chẳng « sát sinh » nữa rồi.

Gồm chuỗi hạt quý ơi là quý !
Bằng minh-châu hay mã-ngọc gì ?

Con ra bạch cụ ngoài kia,
Con xem chuỗi hạt rồi đi kiếm mồi. »

Chuột mẹ vội rằng : Thôi coa chớ,
Chớ vội tin mà lỗ đấy con. »

Chuột con tính trẻ bôn-chồn,
Không nghe lời mẹ chạy bon khắp nhà.

Mèo hập tập chồm ra vồ hụt,
Phúc bầy đời chú Chuột tí-bon.

Nguyên vì mèo nọ chui luồn,
Chui phải chuỗi hạt quàng luôn vào đầu.

Chớ Mèo có tu đâu chẳng tá,
Mà Chuột con vội đã tin ngay.

Các em nhớ lấy lời này :

« Tin đạo-đức giả có ngày khốn thân. »

XI -- Súc gỗ Lim với Phiến gỗ Lim

Một siêng gỗ ở bờ sông nọ,
Phu-phen đang khuân gỗ ý-ồ.

Chỗ thì một Súc Lim to,
Ít người seo đầy mà bò lăn nhanh.

Cỗ khênh Phiến lim Thanh (1) những-những,
Vô số người khênh chẳng chuyển đi.

Súc Lim thấy sự hồ-nghi,
Gọi Phiến-Lim mới hoan-hù một hai:

« Em to lớn gấp mười anh đấy,
Họ trọng anh bằng mấy mươi em.

Anh thì họ phải rước lên,
Xúm vào nâng-giấc chữa thềm đi cho.

Em thì họ giầy vò lăn-lóc,
Hơi chậm ra gây thúc vào lưng.

Sao đời ở chẳng công-bằng?»

Phiến Lim rằng: « Bác chưa từng nghĩ sâu.

Đời họ có cân đầu nặng nhẹ,
Chỉ liệu chiều tim kê sử-linh.

Bác nặng nhưng bác tròn mình,
Lăn đầu cũng được họ khinh đi rồi.

Tôi nhẹ hơn nhưng tôi ngạnh-khái, (2)
Lăn không xong họ mới phải khênh. »

Súc Lim mới hiểu thể-tình,
Rằng: « Khinh trọng chỉ tại mình mà ra.

Nhờ ngạn ví dân ta cũng thế,
« Cây gỗ trò » lăn dễ như chơi (3).

1 -- Thanh-hóa sản nhiều gỗ lim tốt, thường xẻ ra làm từng phiến đem đi bán các nơi, nên gọi là « lim Thanh. »

2 -- Ngạnh-khái 梗槩 = Cũng đọc là cạnh khái, chỉ vế vật thì là có cạnh góc, chỉ vế đức tính thì là ngay thẳng.

3 -- Gỗ trò là thứ cây gỗ tự-nhiên tròn thẳng, thứ có vẩy ngoài gọi là trò vẩy, nhờ ngạn nói: Dân như cây gỗ trò muốn lăn đi đâu thì lăn.

XII -- Cậu Hai Thọ với Đĩa Giò

Cậu Hai Thọ đi ăn cỗ cưới,
Hai mẹ con ngồi với hai Cô.

Giữa thời có một Đĩa Giò,
Sắt làm bốn miếng để cho bốn người.

Cậu Hai Thọ đã xơi một miếng,
Thấy Giò ngon, ngon miếng lại thêm.

Vội-vàng cầm đĩa giơ lên,
Toan gắp miếng nữa đã quen mùi rồi.

Mẹ vội nói: « Con ơi không tiện,
Con đã ăn một miếng rồi mà ? »

Thọ rằng: « Thừa có ba Bà
Tự-do là tính người ta ở đời.

Sự ăn uống mỗi người một thích,
Có tự-do mới ích cho mình. »

Mẹ rằng: « Con học chữa tinh,
Tự-do là cứ phần mình mình ăn.

Giò sắt tư thời phần mình một,
Ăn phần mình lại ngớt phần người.

Thích mình không nghĩ thích ai,
Tự-do đâu có lạ đời tự-do ! »

Cậu Hai Thọ then-thò biết hối,
Xin lỗi Mẹ xin lỗi hai Cô.

Xem đường chữ thập đĩa Giò,
Đã chia giới-hạn (1) tự-do rành-rành.

Tự-do ai thì mình đừng phạm,
Tự-do mình ai dám phạm đâu.

Hòa-bình muốn được bên lâu,
Nhưng nơi giới-hạn của nhau thì kiêng.

1 -- Giới-hạn 界限 = Là cái bờ ngăn. Ai cũng muốn được tự-do thì nhiều khi xâm phạm đến quyền lợi của nhau, nên tự-do cũng phải có chề-hạn.

Miếng giò để đĩa mà sắt làm tư thì thành ra đường chữ Thập, để chia tư ra bốn phần, ấy là giới-hạn đó.

XIII — Con Cú với con Mèo

Con Cú đói đậu trên cành nọ,
Suốt một đêm chẳng có miếng gì.

Gốc cây chợt thấy Mèo đi,
Lông thì nhãy-mướt mình thì béo quay.

Cú liền hỏi : « Độ này hiền-khế,
Làm gì mà bụng phệ thê kia ? »

Mèo rằng : « Nào có kể gì,
Giữ nghề bắt chuột là nghề vốn quen. »

Cú rằng : « Cũng anh em đồng-nghiep,
Mà tôi mang tiếng kiết quanh năm.

Dát bầu bồng cỏ đêm-tăm (1).
Được con chuột nhất khó khăn đến điều. »

Cú đang nói thì Mèo vội đáp :
« Thôi thế thì là bác khờ to !

Đến đâu mồm cứ bô-bô,
Chuột nào còn dại ra cho bác vồ.

Tôi thì cứ nấp vô một chỗ,
Tiếng tăm không để lộ ra ngoài.

Vô-tình chuột chạy giông-giải,
Thì tôi cứ chộp chẳng sai chú nào. »

Cú bèn phục Mèo cao mưu thật !
Làm gì không thận-mật sao nên.

1 — Cú đêm đi dinh chuột, đỗ ở đâu thì kêu lên ở đây.

XIV -- Cái lư hương cồ với cái lư hương kim

Một hôm hai cái lư đồng,

Cái kim cái cồ đứng cùng một nơi. (1)

Lư cồ bảo lư kim-thời :

« Như anh thật xứng ở đời văn-minh.

Thanh-kỳ choáng-lộn lung-linh,

Đỉnh vua Lê (2) cũng chưa xiob đẹp tây.

Tôi sao cục-kịch thô dầy,

Lò khuôn vụng tự ông thầy (3) tôi xưa.»

Lư kim ngẫm nghĩ rồi thưa :

« Tôi tuy bóng-bẩy còn thua anh nhiều.

Bề ngoài vụng lấy mĩ-miêu,

Mà trong pha lộn bao nhiêu kềm vào.

Kẻ ra giá có đáng bao,

May nhờ thời buổi chuộng hào-nháng thôi.

Anh thời tinh-túy hơn tôi,

Nguyên đồng nguyên chất nguyên nòi Tụ-long (4).

Ví thêm lọ thuốc đánh đồng (5),

Thì anh lại đở hơn ông Mặt-trời.»

Cho nên quân-tử làm người,

Chất vắn vẹn đủ, còn lời dạy xưa (6).

1 — Cái lư hương cồ này bằng đồng đỏ, nguyên đồng không pha, cái lư hương kim này bằng thau, sắc vàng là đồng đỏ pha với kềm.

2 — Nhà Lê có mây cái đỉnh đồng to ở Thăng-long, đến Nguyễn-triều mới thiên vào Thuận-huê.

3 — Bài này ví nhân-vật cồ với nhân-vật kim. Câu này nghĩa bóng chỉ về sự giáo-dục ngày xưa.

4 -- Tụ-long 聚龍 tên một xứ về Thượng-du nước ta, đây có mỏ đồng tốt có tiếng từ cổ, nên tục gọi thứ đồng đỏ mắt cua là «đồng Tụ».

5 -- Thứ thuốc nước đánh đồng đóng vào lọ sắt để bán, thuốc ấy đánh đồng sáng bóng đẹp lắm.

6 -- Không phụ-tử nói : « Chất phác quá thì quê, vắn vẻ quá thì lém, vắn-chất đều nhau mới là người quân-tử.

**XV — Cái đèn trên đế (1) với cái hòm
chụp ảnh có chân (2)**

Cây đèn để trên đế cao,
Thấy hòm chụp-ảnh vội chào : « Quý-thai,
Ngài sinh-trưởng ở nơi đô-hội,
Vết chân đi khắp cõi doanh-hoàn.

Tiêu-dao thặng-cảnh kỳ-quan,
Trái xem nhân-vật giang-san trên đời.
Tôi chỉ nấp trong nơi khuôn cửa,
Chẳng đi đâu được nửa bước chân.

Quý-thai nghĩ lại làm ân,
Dẫn tôi đi với trước gần sau xa. »

Hòm ảnh nói : « Nhưng mà hiền-khế,
Không vững chân sợ dễ ngã nghiêng. »

— Thưa rằng : « Ngài có chân liền,
Tôi tuy chân mượn cổ lên cũng vừa. »

— « Vâng, thì tôi xin đưa đi trước. »

Hai anh em vừa bước xuống sân,
Đế đèn quật xuống ngã lẩn,
Đế quăng một nẻo, đèn nằm vỡ tan.

Hòm chụp ảnh vội-vàng mắng nói :
« Hề không chầu đừng ngồi chân ai. »

Các em khi muốn ra đời,
Liệu mình « vững cẳng » (3) thì rồi sẽ đi.

1 — Nhà tây thường để đèn cây lên cái đế bằng gỗ cao ước một métre chạm lộng.

2 — Hòm chụp ảnh khi đem chụp thì lắp vào cái đế có ba chân có danh ôc vắn chặt-chẽ.

3 — Vững cẳng cũng như vững chân, nghĩa bóng là có tài có lực để vận-động, hoặc có vốn liếng để làm ăn, không lo thất-bại.

XVI — Con ngựa nhà với những con ngựa rừng

Ngựa nhà một buổi xông tầu,
Đi chơi đến chốn non sâu gặp đàn.
Ngựa rừng mừng vôi-vàng đón rước,
Chạy nhung-nhăng chẳng nước-nôi gì.
Ngựa nhà rằng : « Tớ đi thi,
Một mình giật giải mấy kỳ khôi-nguyên (1).
Các thành-thị huyện truyền đồn-đại,
Nước « phi » tài nước « đại » cũng tài.
Danh giá gấp mấy mươi-mươi,
Nên tài kỳ-ký (2) trên đời sương sao.
Ra vào chỗ nhà cao cửa cấm,
Ăn rồi đưa đi tắm bồi kỳ.
Các anh cũng tập mà thi,
Bất-kham (3) cắn đá khôn nghề kiếm ăn. »
Ngựa rừng hỏi : « Tài năng anh thế,
Bằng chứng đâu anh kể cho hay. »
Ngựa nhà vội đáp rằng : « Này,

1 -- Khôi-nguyên 魁元 = Đố đầu, ở thành phố thường có hội thi ngựa, ngựa nào chạy nhanh nhất thì được giải.

2 -- Kỳ-ký 騏驥 = Tên ngựa hay, nhân-tài cũng hay ví với kỳ-ký.

3 -- Bất-kham 不堪 = Không chịu được, về tính ngựa, con nào hay cắn đá không chịu được thì gọi là « bất kham. »

Yên da đóng đã thái-lài (1) cả lưng.

Đuôi xén cộc, bốn chân bịt sắt,
Lông gọt đi, bõm cắt trụi đi.

Chẳng còn vương-viu tí gì,
Tha-hồ mình chạy mình phi gọn-gàng.»

Chúng cười nói : « Giỏi-giang chi hỡi,
Chỉ đi cho người cười đấy thôi.

Ích gì cho giồng ngựa tôi,
Thế còn những chỗ nốt roi đâu nào ? »

Ngựa nhà chẳng nói sao tốt nữa,
Quay đầu ra chạy phura về nhà.

Nhân-tài cũng có đôi ba,
Dùng cho mình với người ta dùng mình (2).-

1 --- Thân thể chỗ nào cọ-sát lắm hay làm việc nhiều mà da thịt sần lên thì gọi là « thái lài »

2 --- Nhân-tài có nhiều hạng, có hạng thì mình tự dùng được cái tài của mình ra với đời, thế là « đại tài, toàn tài, chân tài », có hạng nếu không ai dùng thì chẳng thi-thô được việc gì, thế là « nô tài, dong tài = tài hèn hạ. »

XVII — Cây đa cảnh với cây đa cồ-thụ

Cây đa cảnh trồng trong chậu đá,
Bày dàn hoa kẻ đã lâu năm.
Sù-sì gốc côi cây cảnh,
Thân cao hơn thước lá bằng lá xi.
Nay chủ mới đem đi « hạ-thỏ » (1),
Gần cây đa cồ-thụ bà-xoà.
Cây to lá tốt rườm-rà,
Ngọn cao mười trượng cành la mấy sào.
Đa cồ-thụ bèn chào bạn mới :
« Hội Quán-anh (2) » tôi đợi anh đây. »
Đa cảnh nghe nói thẹn thay,
Rằng : « Tôi ti-tiểu đường này dám đâu. »
— « Thê anh đã bao lâu xuất-thế ?
Ở nơi nào, sinh-kế làm sao ? »
— « Thừa nơi thôn-xóm xa nào,
Ở trong cái chậu để vào trước hiên.
Kẻ sinh đã thâm niên lũy nguyệt,
Nhỏ-nhặt quen sinh-hoạt thói nhà. »
— Rằng : « Anh cũng giống tôi ta,
Bị người giam-hãm mà ra tiêu-diêu.
Nay đã thoát những điều hạn-chế,
Đến ở đây thời-thế khác xưa.
Đất mầu nước mát có thừa,
Sinh-cơ chằng bị ngăn-ngừa nữa đâu.
Bán-tích chằng bao lâu phát-đạt,
Nảy-nở lên to tát khó gì ». »
Nhờ đa cồ-thụ nên suy,
Nuối loài hèn yếu chỉ vì cấm ngăn.

1 -- Hạ-thỏ 下土 = Những cây gì trồng hay ương-chậu, sau đem trồng xuống đất.

2 -- Quán-anh 群英 = Vẻ cây, những cây quý đẹp, vẻ người những người anh tài.

XVIII — Cái cày với cái chày máy

Cái cày dựng ở góc nhà,

Gần cối chày máy lân-la tự tình.

Rằng : « Sao mà quan anh sướng thế ?

Nào nếp thơm, nào tẻ « tám thơm » .

Người dưng tậu miệng chờm-chờm,

Thật là ngồi mát hưởng ơn của trời.

Về phần tôi, tôi thời vất-vả,

Suốt quanh năm tất-tả ngoài đồng.

Nắng mưa nào dám quản công,

Chiêm thôi mùa đoạ lại không có gì.

Quan anh có mưu kỳ chước khéo,

Xin bảo cho một mẹo tôi nhờ ? »

Chày máy rằng : « Bác thật khờ,

Việc tôi làm đó trờ-trờ quanh năm. »

Rằng : « Tôi thật vô-tâm không xét,

Xin quan anh cho biết chước màu ?

Rằng : « Làm cũng chẳng khó đâu,

Muốn ăn gạo trắng gặt đầu luôn-luôn. »

Cày khen : « Bác thật khôn thật giỏi,

Gặt quanh năm không mỏi đầu sao.

Tôi đánh đồng-nội tiêu-dao,

Cát-lầm nhưng chẳng khi nào lạy ai. »

Cho hay những kẻ ở đời,

Đem đầu đi lạy sướng thời bỏ du.

XIX -- Con sâu dóm với con Bướm-bướm. (1)

Con sâu dóm nằm trên lá bưởi,
Bướm-bướm đâu phất-phới bay vào.
Sâu dóm cất cổ lên chào,
« Thân-tiên mới ở chon nào lại đây ?
Thân Trang-tử (2) xưa ngày biên hiện,
Nên khinh thanh bay liệng tự-do.
Hương hoa ăn hưởng thơm-tho,
Trong vườn Thượng-uyên (3) tha-hồ giông chơi.
Chúng tôi cũng một đời thân-thể,
Mà bình-hài ó-uế gớm ghê,
Cái thân hèn yếu nặng-nề,
Một cảnh con nọ đi về bò quanh ».
Bướm bèn đáp : « Nhời anh không phải,
Tôi chính là chúng-loại anh đây.
Thần tiên nào ở đời này,
Tôi vừa đổi lột vài ngày đó thôi.
Bỏ xác ngoài tanh-hôi bại-liệt,
Hiện chân-thân lợi-tiếp lung-linh,
Vi anh cũng đổi mình anh,
Chỉ trong giây phút là thành tiên bay. »
Sâu dóm biểu theo ngay tiên-giác (4),
Cựa rách toang cái xác cũ ngoài.
Hóa làm đời mới thứ hai,
Cũng mùi cũng cánh như loài bướm kia.
Theo ngay bậu bay đi lập tức,
Chôn vườn hoa mặc sức ganh thi.
Cuộc đời lấy đây mà suy,
Muốn tiến-nóa phải kịp thì đời thay.

1— Những con sâu bọ biết bò rồi hóa ra những con có cánh biết bay như bướm bướm.

2— Ông Trang-tử là một nhà triết-học đạo Lão, năm chiêm bao hóa ra làm con bướm bướm.

3— Thượng-uyên 上苑 = Vườn hoa của vua.

4— Tiên giác 先覺 = Người biết trước. Thấy.

XX -- Con cá chép ao với con cá chép sông.

Đã là hào-kiệt ở đời,
Thoát vòng lưu-tục vượt nơi dung-thường.

Mở mắt ngó bốn phương quảng-dãng,
Sáng-lập nên công cán lớn lao.

Cũng như cá chép trong ao,
Nêu yên ở mãi khi nao hóa Rồng (1).

Xem con chép ở trong ao nọ,
Chỗ cửa ao thì có cái ngòi,

Bức dăng ngăn cách trong ngoài,
Giữa ao lại thả những gai chông chĩa.

Chẳng còn được vào ra tưng-sinh.
Lâu dường quên cả tính lượn-bơi.

Chép sông bạn bỗng đến chơi,
Ngoài dăng lên tiếng gọi mời đi thi (2).

Rằng : « Vũ-môn ngày kia hội đủ,
Vua Long-vương làm chủ kén tài.

Sóng cao ba đợt tuyệt vời,
Vượt qua thì được lên Trời hóa Long.

Đại-huynh cứ đi cùng tiên-đệ,
Giải Trạng-nguyên hồn bẻ nhường ai.

Ganh-thi tranh-địch với đời,

1 - Cổ-nhân Đông-Tây đều tưởng tượng ra một con kỳ vật giống nhau mà vũ-trụ không bao giờ có, ấy con Rồng hay là Long 龍 tiếng Pháp gọi là Dragon là một con ấy cá.

2 - Cổ có đặt ra cái thuyết « cá đi thi » nói ở thượng-lưu sông Hoàng-hà (Trung-quốc) chỗ cái thác cao nhất là cửa Vũ-môn - Vua Vũ đi trị thủy khai sông mà tạo ra - cửa ấy gần Trời có ba đợt sóng cực cao, là chỗ trạng thi của cá. Vua Long-vương làm chủ khảo, cá nào vượt qua được ba đợt sóng ấy thì được hóa Long mà lên Trời.

Bùn tanh nước hãm cũng hoài một thân. »

Chép ao nói: « Xin vâng đi với ».

Đâm đầu ra vường phải dặng ngay.

Bèn từ: « Em phận chẳng may,

Muốn đi bị cái dặng này ngăn đi.

Chép sông đáp: « Không đi thì chớ,

Há cửa ao hơn cửa Vũ-môn. »

Chép ao nghe nói bốn-chôn,

Cắt mình một cái vượt luôn ra ngoài.

Bèn theo bạn đi chơi một chuyến,

Sông mộng mênh bơi liệng thóa lòng.

Mừng thầm: « Tuy chưa hóa Rồng,

Vẫy-vùng sừng gập vạn trong ao tù.

XXI -- Con một sách (1) với bạn nó

Con một sách gặp con một gỗ,

Vốn anh em bạn cũ với nhau.

Một gỗ hỏi: « Anh đi đâu,

Bận gì công việc bấy lâu mới về? »

Một sách đáp: « Tôi mê mài học,

Chốn thư-phòng lẩn-lóc ngày đêm. »

— « Khen thay anh lập chí cho bền,

Bấy nay anh vẫn học chuyên sách nào? »

Thưa: « Tôi học cả bao-nhiều tử,

Sách đông tây kim cổ thiếu chi.

— « Tiên-sinh (2) học rộng thể thi,

1 -- Một sách là con một đục các sách vỡ ra mà ăn.

2 -- Trước con một gỗ lấy tình thân gọi con một sách là anh, bấy giờ thầy một sách khoe học rộng thi nó bèn tôn ngay lên là tiên-sinh sau thầy dốt thi nó lại hạ xuống là anh.

Đã tìm ra được lẽ gì mới chưa?»

Một sách lắc đầu thưa rằng: « Chửa,
Chỉ chửa đầy bụng chữ càn-càn ».

Một gổ rằng: « Đạo học-hành,
Học nghĩa nọ để phát-minh nghĩa này.

Cho sự học càng ngày càng mới,
Mở-mang ra tận tới cuộc đời.

Anh học nuốt chữ đầy thoi,
Càng học càng nát lời bởi sách ra. »

Một sách nghe nói mà thêm thẹn,
Từ cổ-nhân bẽn-lẽn rồi đi.

XXII — Cái súng tay với cái túi-dết về thế-kỷ hai-mươi-mốt

Hai-mươi-mốt hội tân thế-kỷ, (1)

Trời yêu-cầu xin nghỉ chiến-tranh.

Một hôm trong chỗ quân-doanh (2),

Súng tay túi-dết hai anh nhàn-đàm.

Túi-dết hỏi: « Bầm quan Pháo-thủ (3),

Tôi theo ngài trong chỗ binh-nhung.

Biết ngài là đấng anh-hùng,

Miệng hét ra lửa, tây đông kinh-hoàng.

Nay thiết-giáp (4) để han để sét,

1 - Thế-kỷ 世紀 = Mỗi một trăm năm là một thế-kỷ. Thế-kỷ
Hai-mươi-mốt là thế-kỷ kê đên sau này.

2 - Quân-doanh 軍營 = Trại lính.

3 - Pháo-thủ 炮守兵 = Lính coi về súng đạn. Quan Pháo-
thủ là quan coi lính Pháo-thủ.

4 - Thiết giáp 鐵甲 = Áo-giáp bằng sắt, đây nói thân súng
bằng sắt cũng như mặc thiết-giáp.

Không viễn-chinh (1) cho khét oai-linh ? »
Súng rằng : « Súng của dân-binh (2),
Giữ yên bờ cõi nước mình là hơn.
Kìa súng chúa Tô-đan (3) xâm-lược,
Ai ghi công từ trước đến giờ.
Bại thì tôi rấp xó bờ,
Thắng thì tiền của anh vơ vét đây.
« Đùng với đệt » tôi nay mang tiếng,
Mà anh thì nặng chuyển túi tham.
Muốn cho nhân-loại giao-hoan,
Anh lép-kẹp, tởn nãm khăn là xong. »
Túi-dết nghe chạnh lòng mím miệng,
Các báo đảng câu chuyện hòa-bình.
Rằng : « Nay các nước văn-minh,
Nghe ra đã chán chiến tranh cả rồi ».

XXIII — Miếng sắt với thanh bảo-kiếm (4)

Lò rèn nọ chỉ chuyên rèn kiếm,
Khắp gần xa nức tiếng lành nghề.
Một hôm miếng sắt trên đe,
Hai bên hai búa đang ghè luôn-luôn.
Ở đó có thanh gươm báu cõ,
Treo liên ngay bên chỗ đứng rèn.

1 - Viễn-chinh 遠征 = Đi đánh dẹp xa.

2 - Dân-binh 民兵 = Lính của dân tức là quốc-dân-binh.

3 - Tô-đan 蘇丹 = Dịch âm tiếng « Sultan » hiệu vua nước
Turquie. Các Tô-đan nước Turquie ngày nọ hay đi xâm lược lấy được
nhiều nước ở về ba châu Á - Âu - Phi.

4 - Bảo-kiếm 寶劍 = Thanh gươm báu.

Miếng sắt trông thấy liền khen :

« Ngài là vĩ khí (1) đã nên hùng tài (2).

Công-nghiệp để muôn đời hiển-hách,
Giúp vua Lê thành bách-chiến-công (3).

Kiểm-hồ (4) ánh sáng linh-lung (5),

Đời còn gió-bụi (6) vấy vung còn nhiều.

Sơ khí chất cũng điều một loại,

Ngài vẻ-vang tôi phải khổ hòa.

Lửa than nung-nấu nhiều phen,

Biết bao lửa-ức (7) chẳng nên thân-hình ! »

Bảo-kiểm đáp : « Tiên-sinh phải biết,

Cái tôi từng bách chiết thiêu ma (8).

Càng rèn càng cứng rắn ra,

1 — Vĩ-khí 偉器 = Cái đồ vật đại-dụng được, nghĩa bóng như người đại-tài.

2 — Hùng-tài 雄才 = Cái tài mạnh giỏi của đấng anh-hùng.

3 — Bách-chiến-công 百戰功 = Cái công đánh trăm trận. Tương truyền vua Lê Thái-tổ bắt được thanh gươm thần-kiểm nên đánh được giặc Minh khôi-phục nước ta.

4 — Kiếm-hồ tức là Hoan-kiếm-hồ ở Hanoi bây giờ, truyền rằng : Khi vua Lê Thái-tổ lên làm vua rồi ngự ra chơi hồ, có một con thần-qui (rùa thần) nổi lên giữa hồ, ngài lao-thanh thần-kiếm vào nó thì nó quặp lấy mà biến mất. Ngài mới gọi là hồ Hoan-kiếm, nghĩa là hồ trả lại gươm thần.

5 — Sách Tâu có điển rằng : một thanh gươm thiêng kia chim ở dưới đất mà đêm đêm ánh sáng chiếu lên chỗ sao Ngưu sao Đẩu.

6 — Gió bụi nghĩa là loạn lạc.

7 — Tỏa 挫 = Đập xuống. Ức 抑 = Nén đi.

8 — Bách-chiết 百折 Trăm lần bẻ : Thiêu ma 千磨 -- Nghin lần mài, nghĩa bóng là gian truân vất-vả nhiều mà không nhục trí.

Trải trăm lần luyện mới là Can-tương (1).

Miếng sắt được soi gương báu giám (2),

Cũng quyết thi cao đảm cho bền.

Vài hồi chí-chất vừa yên,

Thành ngay một lưỡi Long-tuyền (3) quý thay!

Cho mới biết nhưng tay tế-thế (4),

Hoạn nạn là lò để luyện tài.

**XXIV-- Thần Ấn-độ (5), Thần Hy-lạp (6) với
Thần Thổ-nhĩ-kỳ (7)**

Nhớ thủa trước mấy hồi thế-kỷ,

Người Hung-nô Thổ-nhĩ-kỳ kia.

Hằng đi lẩn-cướp bốn bề,

Đông Thiên-trúc quốc tây Hy-lạp thành.

1 — Can-tương 干將 = Tên thứ gương báu đời xưa,

2 — Bảo-giám 寶鑑 = Cái gương báu, nghĩa bóng là lời dạy hay.

3 — Long-tuyền 龍泉 = Tên một thanh gương báu đời xưa.

4 — Tế-thế 濟世 = Giúp đời.

5 — Thần 神 = Về triết-lý thì thần là tinh-thần, về giáo-lý thì thần là hồn thiêng, là ma, bài này mượn cái ý thần ma ma ngụ cái nghĩa tinh thần, cái tinh-thần của người Ấn-độ (Inde) là ở cái tư-trởng siêu-việt ra ngoài cõi đời như đạo Bà-la-môn, nhất là đạo Phật, nghĩa lý tuy có cao mà dễ khiến cho người ta chán đời, nước nhà suy yếu, người Ấn-độ ở dĩ từ Trung-cổ đến nay, bị luôn giặc ngoài chiêm hại cũng vì cơ thế, người Đông A ngày xưa gọi Ấn-độ là Thiên-trúc.

6 — Cái tinh thần của người Hy-lạp « Grec » là ở văn học, triết-học và mỹ-thuật, ba môi ấy đã từng gây dựng ra cái văn-minh Tây-phương ngày nay, song người Hy-lạp cũng vì trọng văn hơn vũ mà quốc-thế xưa nay vẫn yếu.

7 — Thổ-nhĩ-kỳ tức là Tột-quyết « Turquoie 突厥 ». Người

Người ta oán thần-minh cũng giận,

Một ngày kia các đấng hội bàn.

Thần Ấn-độ bước lên đàn,

Cà-sa (1) tha-thướt dong-nhan nhân-lành (2).

Rằng : « Lân-mẫn (3) chúng-sinh (4) ngu-dại,

Thế-giới này là cái không-hoa (5).

Những mong thoát cõi Sa-bà (6),

Hay gì mà lẩn-cƯỚP, mà tranh nhau. »

Thần Hy-lạp tiếp sau ra giảng,

Áo siêm nên phong-dạng tốt-tươi (7).

Thổ-nhĩ-kỳ là một giồng Hung-nô ở tây bắc Trung-quốc, đên trung-cổ còn chưa có văn-hóa trạng mạo thì nanh-ác sâu-sí, phong-tục thì mọi rợ hung tàn thường vào lâm nhiều Trung-quốc, sau theo đạo Hồi là đạo lấy binh-uy truyền giáo, bèn kéo sang chiếm Ấn-độ đên gần 300 năm rồi lấy cả các nước ở Tiểu Á-tê-á, sang Âu-châu diệt nước Đông La-mã mà lập ra nước Thổ-nhĩ-kỳ bây giờ, bảo hộ Hy-lạp Ai-cập đên mã; hồi Đại Âu-chiến các nước Đông-minh mới bách phái cho hai nước độc-lập.

1 — Cà-sa là áo lễ của thầy tu đạo phật-may vuông như cái chần đơn, có 108 mụn chắp lại.

2 — Tá cái dáng từ bi của đạo Phật.

3 — Lân-mẫn 憐憫 = Thương hại, chữ trong sách phật.

4 — Chúng sinh 眾生 = Mọi loại sùng, Phật gọi người ta với các sinh-vật là chúng-sinh.

5 — Sách Phật nói : « Thế-giới không hoa 世界空花 » = Thế giới là một cái hoa hư không chẳng có gì.

6 — Phật cho đời người là Sa-bà thế-giới, nghĩa là cái cõi đời sa bà bần thú, tu đạo Phật cốt cho giải thoát ra khỏi cái cõi đời Sa-bà này mà siêu sinh lên cõi Trời,

7 — Tá nhân-cách và lễ văn Hy-lạp.

Rằng : « Người ta sống ở đời,
Văn-chương triết-lý là nơi tinh-tinh.

Ấy cốt-tử văn-minh đó chớ,
Lũ tham-tàn mọi-rợ xá chi. »

Hai Thần đang nói vân-vi,
Tướng Hồi đầu bỗng đứng kê mộ bên.

Tay cầm kiếm cầm tên cầm nỏ,
Mặt mũi trông nhẵn-nhó như ma.

Nghiên rằng trợn mắt hét la :
« Các ông chửi rửa gì ta chỗ này ?

Thần Ân-độ chấp tay mô Phật (1) :

« Đang cầu ngài sinh Cực-lạc thiên (2).

Thần Hy-lạp cũng lối liền :

« Thơ hay đang nghĩ một thiên tụng ngài (3). »

Thế mới biết ai ai cũng thánh,

Rút cục thì sức mạnh vẫn hơn,

1 — Mô, nói tắt bởi tiếng nam-mô là dịch âm của Ân-độ. «南無»
nghĩa là lạy.

2 — Cực-lạc-thiên 極樂天 = Cõi trời rất sung sướng. Phật cho
cõi người ta ở là rất khổ mà một cõi trên trời kia thì rất-sung-sướng
tu là để thoát khỏi người lên cõi trời.

3 -- Người Hy-lạp xưa làm thơ hay lắm, lời thơ tụng công đức các
thần, các vũ-tướng có tiếng từ cổ.

QUYỀN THỨ NHÌ

(diễn ca mấy bài ngụ-ngôn cổ Hán Việt)

I — Nhời con chim mẹ (1)

(Đầy trở xuống là ngụ-ngôn Trung-quốc)

- 1° — Quạ kia đã bắt con ta,
Thôi đừng phá hủy cửa nhà ta chi.
Biết bao bú mớm bù-trì,
Thương con ai cũng lòng kia khác nào.
- 2° — Hôm nay trời chứa mưa dầm,
Bể cảnh dẫu để ta khuân về nhà.
Khuân về chẳng buộc nhà ta,
Dưới kia ai dám lân-la dòm hành.
- 3° — Ta đi tha rác mọi nơi,
Ta đi tìm kiếm lây mỗi chắt chiu.
Chân nam đá với chân chiêu,
Miệng khô vì nỗi dùm kiu cửa nhà.
- 4° — Ta kêu réo-rất gần xa,
Đuôi ta cụp lại cánh ta xập-xè.
Vì chung gió lật mưa đè,
Cửa nhà lay chuyển chổ e rã-rời.

1 — Thơ này ở thiên Mân-phong kinh Thi 經詩 của Trung-quốc, ông Châu-công Đán làm ra, là một bài thơ ngụ-ngôn cổ nhất trong thế-giới và là tổ loi vãn ngụ-ngôn Đông-phương. Ông Châu-công sinh trước Tây-lịch hơn một nghìn năm, là em vua Vũ-vương nhà Châu, vua Vũ-vương đánh vua Trụ nhà Thương, thông-nhất Trung-quốc, phong cho con vua Trụ là Vũ-Canh làm vua một xứ nhỏ mà cho hai em là Quán-Thúc và Sái-Thúc lên giám đốc, ít lâu Vũ-vương chết, con là Thành-vương còn bé nối ngôi. Châu-công làm Thủ-tướng. Ông là một

nhân-vật vĩ-dại ở Đông-phương xưa nay, lễ văn chế-độ nhà Châu, một tay ông sáng lập nên cả, chính ông là người thay mặt Trung-quốc bắt đầu tiếp đãi sứ-thần nước ta. Vũ-vương mất rồi, Quán-Thúc với Sái-Thúc mượn tiếng Vũ-Canh mà làm phản, phao ngôn đi rằng : « Châu-công muốn lợi-dụng thẳng bé con ». Châu-công phải đi đánh, giết được Quán-Thúc và Vũ-Canh, mà xem Thành-vương cũng còn chưa tin bụng mình, mới làm ra thơ này đưa về cho Thành-vương để tỏ cái lòng ưu-quân ái-quốc của mình là thế nào, mượn nhờ con chim báo con quạ và lo cho tổ. Chim mẹ ví vào ông, con quạ ví Vũ-Canh, chim con ví Quán-Thúc, tổ chim ví quốc-gia nhà Châu. Tên cũ của thơ gọi là « Quạ kia » 鴉鴉, nay đổi làm « Nhời con chim mẹ » cho rõ nghĩa. Có bốn bài dịch đúng như trên, bài 1. chim mẹ gọi con quạ mà báo, bài 2. chim mẹ lo giảng buộc tổ, bài này Khổng Phu-tử khen rằng : Người làm thơ này thật biết cái đạo trị quốc, mình giảng buộc được nước nhà mình thì ai còn dám dòm hành nữa, bài 3. chim mẹ nói công lao vun thu vào tổ, bài 4. nói thương yêu tổ, cả bốn bài đều chan chứa một giọng trung-ái, yêu mến nước nhà ; thậm mưu viễn lược đủ làm gương cho kẻ có nhà có nước muôn đời, nên dịch ra đây để học-giả biết lời thơ ngụ-ngôn thúy-tổ của Đông-phương ta. Nguyên văn chữ hán như sau.

- 一) 鴉鴉鴉鴉。既取我子。無毀我室。恩斯勤斯。鬻子之閔斯。
- 二) 迨天之未陰雨。徹彼桑土。綢繆隰戶。今此下民。莫敢侮予。
- 三) 予手拮据。予所將荼。予所醫租。予口卒瘁。曰予未有室家。
- 四) 予羽譙譙。予尾條條。予室翹翹。風雨所漂搖。予維音嘒嘒。

**II — Con ve, con bọ ngựa, con chim-chích,
ông Thái-tử và cái hố sâu.**

Vua Phù-Sai (1) nước Ngô ngày trước,
Hay đem binh đi cướp nước người.

Vậy nên Thái-tử can ngài,
Diễn ra một kịch (2) mượn lời can khuyên.

Tay cầm nỏ, áo xiêm lấm ướt;
Từ ngoài vườn rảo bước vào đền.

Vua cha bèn hỏi sự Juyên,
Thái-tử đem việc tâu lên bệ-rồng:

« Con vừa mới ở trong vườn nọ,
Cảm một điều cũng có nghĩa hay:

Con ve đậu ở cành cây,
Ngâm-nga tự-đắc chốn này đã yên.

Con bọ-ngựa giờ liêm rón-rén,

1 — Nước Ngô 吳 nay là tỉnh Giang-nam Trung-quốc. Vua Phù-Sai nước Ngô ở về cuối đời Xuân-thu, đồng-thời với Khổng-phu tử. Bây giờ Lỗ 魯 là nước Khổng-phu-tử (nay cũng về tỉnh Sơn-đông) vô-cô có tin Tề 齊 là nước mạnh láng giềng (nay cũng về tỉnh Sơn-đông) đang đem binh sang đánh. Khổng-phu-tử phải cho học-trò là ông Tử-Công đi du-thuyết để Ngô đánh Tề mà cứu Lỗ. Phù-Sai quả đem binh đi đánh được Tề. Song Phù-Sai còn muốn đem binh đi đánh các nước khác nữa, mà nước Việt 越 ở bên láng giềng (nay về tỉnh Triệt-giang) bị Ngô đánh phá, nay vua Việt là ông Câu-Tiền đang tuyền binh mã định thừa cơ Phù-Sai đi đánh xa là kéo sang diệt Ngô để báo thù. Việc ấy ai cũng biết cả, mà Phù-Sai thì còn mơ-màng, nên Thái-tử Hữu diễn ra kịch này mượn nhờ can khuyên.

2 — Kịch 劇 = Trò, tâu, về phương chèo hay tuồng.

Nấp cảnh bên toan chém chết ve.

Bọ-ngựa ra ý sừng-se,

Hay dâu chim-chích nhắm-nhè sau lưng.

Chim-chích đứng không từng động cựa,

Định mổ con bọ-ngựa nuốt phăng.

Ngờ dâu lại có hạ-thần,

Nấp xa giường nổ đang nhắm bắn chim.

Hạ-thần mái không nhìn sau trước,

Cái hố sâu nhổ trượt chân vào,

Ướt xiêm lấm cả áo bào,

Vội-vàng vác nổ chạy nhào về đây».

Vua cha phán : « Ấy mày thật đại,

Tham lời không nghĩ hại về sau ».

Phán thôi Thái-tử liền tâu :

« Ở đời cái đại biết đâu là chừng !

Kìa nước Lỗ lẽ-vấn nho-giáo,

Nước Tề toan cường-bạo diệt đi.

Ngờ dâu Ngô đèn tức thì,

Đánh Tề những muốn thu về nước Ngô.

Nay nước Việt là thù bên cạnh,

Không đánh Ngô mộ linh đi đâu.

Đó là lợi trước hại sau,

Ở đời cái đại biết đâu là chừng ! »

Vua cha quở : « Xi, thẳng ương-dở,

Đừng lăm điều để nhỡ việc ta ..

Tạ từ Thái-tử lui ra,

Không lâu câu truyện ấy mà nghiệm (1) ngay.

1 — Phù-Sai không nghe Thái-tử Hữu can, cứ đem binh vào Trung-quốc, hội với các nước chư-hầu tranh quyền bá-chủ, thì quả nhiên quân Việt kéo vào đánh Ngô, Phù-Sai về cứu không kịp. Việt bèn diệt nước Ngô.

III — Thần sông với thần bễ (1)

(Diễn sách Trang-tử)

Thần sông nọ so xem thế nước,
Không đâu giàu nước được như mình.

Cõi bờ mặc sức tung-hoành,

Bao-la khắp chốn thị thành thôn quê.

Trên nguồn suối một bễ qui-thuận,

Dưới kênh ngòi đều phận con em.

Hồ đầm xá kể bộn hèn,

Họa chẳng có bễ độ xem thế nào.

Ra bờ bễ trông vào làn nước,

Thấy phát-phơ « thần Nhược (2) thần Dương (3) ».

Trùng trùng sóng nước mênh-mang,

Thuộc quyền thần « Nhược » chủ-trương gần bờ.

Ngoài ra nữa mờ-mờ sóng bạc,

Cõi thần « Dương » man-mác liền trời,

Tuyệt vời tit-tấp mù khơi,

Không còn nhìn nhận đâu nơi bên bờ.

Thần sông lúc bấy giờ kinh-dị,

Vái hai thần tự nghĩ thaa-thần :

« Ở nhà mình cứ tự-cặng,

Ra ngoài nào có thãm bằng ai đâu ».

1 — Bài này nhân ở sách Trang-tử thiên Thu-thủy mà diễn ra. Ông Trang-tử đồng-thời với Khổng-phu-tử.

2 — Thần Nhược là thần bễ, bễ còn ở gần bờ.

3 — Thần Dương là thần Đại-dương ở ngoài bễ.

IV — Con bọ ngựa với cái bánh xe (1)

(Diễn sách Trang-tử)

Vua Tề Trang đi xe ra cửa,
Có một con bọ-ngựa đứng bên.

Bánh xe sắp tới đè lên,
Nó chạy không kịp giờ liềm ra oai.

Tên đánh xe thưa : « Ngài coi đó,
Con bọ kia có rõ đại không.

Dại đầu đại lạ đại lòng,
Thà rằng chịu chết còn hông chém xe ».

Vua Tề Trang không nghe nhời nịnh,
Ngài vội-vàng truyền : « Tránh xe đi,

Con bọ nó giỏi đó, mi,
Dẫu mà nó lạy xe ni tha nào ».

Vua Tề Trang thật hào-hiệp lắm,
Con bọ ngựa cũng chẳng hèn gì.

Bên đặc-thể bên lâm-nguy,
Bên thì có lượng bên thì có gan.

V — Lão người nước Tống với những cây lúa

(Diễn sách Mạnh-tử)

Lão người nước Tống một hôm,
Đi ra đồng-àng thẩn nom lúa nhà.

Thấy lúa kém lúa người ta,
Vội-vàng cầm cò lúa mà kéo lên,

1 — Đầu bài này nguyên ở sách Trang-tử thiên Nhân-gian-thê, đến sách Hàn-thi ngoại-truyện mới diễn ra thành truyện vua Trang-công nước Tề đi xe. Đây diễn lại ở sách Hàn-thi mà cũng là gốc ở sách Trang-tử cả.

Hết ruộng dưới đến ruộng trên,
Một mình hùy-buych liên-miên tới ngày.
Chạy về bảo vợ con hay :
« Nay tao phải mệ hôm nay mệt nhòai.
Nâng lúa chẳng nỡ bỏ hoai,
Giúp cho chóng nhón ở ngoài đồng ta ».
Sáng mai con cái chạy ra,
Thì lúa đã nở như là rơm khô.
Lẽ thường nhỏ mới có to,
Vội-vàng muốn chóng muốn cho nhọc mình (1)

VI — Thằng ăn cắp gà

(Diễn sách Mạnh-tử)

Ở đời biết lỗi khó thay,
Biết lỗi mà dám bỏ ngay mới là.
Có một thằng ăn cắp gà,
Ngày một con, tháng đủ ba mươi ngày.
Người ta báo nó rằng: « Mày,
Làm điều bất-nghĩa nghề này không nên ».
Thằng ăn cắp trả lời liền :
« Từ nay mỗi tháng ta xin một gà.
Chẳng bao tháng trọn ngày qua,
Đợi sang năm đến là ta xin chừa ».
Ấy thằng nói mới hợm chừa,
Biết xấu sao chẳng bấy-giờ chừa ngay.

1 — Bài này ở sách Mạnh-tử thiên Công-Tôn-Sứ thượng. Ông Mạnh-tử đặt bài này để tỏ cái nghĩa không muốn chóng được.

Ông Mạnh-tử nói truyện này,
Ví truyện giảm thuế qua ngày lần-khân] (1).

VII — Anh chàng người nước Tề với hai vợ
(Diễn sách Mạnh-tử)

Sĩ-phu đời Chiên-quốc kia,
Đem đi van lạy ngày thì kiêu căng.
Ông Mạnh ghét những thằng vô-sĩ,
Đặt truyện này ngụ ý cười chê :

Anh chàng hai vợ nước Tề,
Sáng thì đi mất tối về no say.

Ngày nào cũng như ngày hôm đó,
Khoe rằng chơi dặt chõ sang giàu :

Nay quau-lớn giữ đánh chầu,
Mai cụ lớn ép ngồi hầu tiệc xuân.

Người vợ cả phân-vân trong trí,
Hỏi vợ hai : « Di nghĩ làm sao ? »

Chồng khoe bạn những quan cao,
Mà ta chẳng thấy quan nào đến đây ? »

Người vợ cả sớm mai theo hút,
Liệu chiều đi lần-lút đằng sau.

Đức ông chồng cứ bước mau,
Khắp vùng chẳng thấy quen đâu truyện trò.

1 — Bài này ở sách Mạnh-tử, thiên Đãng-văn-công thượng, vì có quan đại-phu nước Tống là Đái Doanh-Chí nói rằng : « Theo phép thập-nhật — 1/10 » đánh thuế ruộng là phải, song bây giờ chưa làm ngay được, xin hãng giảm dần, đợi đến sang năm thì thôi. Vậy có nên không ? Ông Mạnh-tử liền dẫn truyện này đáp lại để ví cái ý lần-khân qua ngày.

Sau đến một cái gò bên trại,
Có người vừa « tạ bái » một mâm.

Đức ông chồng đứng xin ăn,
Nhưng đó « thừa huệ », xem chừng chữa no.

Ông chồng lại lò-dò đi nữa,
Vợ cả bèn sắp ngựa chạy về.

Hai vợ ngồi khóc đầu hè :

« Thằng chồng ta nó để bìa miệng cười,
Đời phú-quí ra đời khất-cái.
Chị em mình phận gái biết sao ».

Nhưng chồng có biết đâu nào,
Xăm-xăm ngoài ngõ đi vào vênh-vang,

VIII — Người Dịch-giả mua xương ngựa thiên-lý

Người Dịch-giả vua sai mua ngựa,

Đem vàng đi chọn lựa ngựa hay.

Thăm tìm kẻ đã nhiều ngày,

Giữa đường bỗng thấy đám vây đông người.

Người thời khóc người thời thương tiếc,

Giữa có con ngựa chết nằm co.

Mọi người cùng kể sự do :

« Ngựa « thiên-lý-mã » chẳng cho ở đời ».

Kẻ Dịch-giả theo lời mặc-cả,

Mua bộ xương trị giá năm trăm.

Đem về vua giận hăm-hăm :

« Mua xương ngựa chết thối hăng phí vàng ».

Kẻ Dịch-giả rằng : « Xương còn trọng,

Nữa ngựa hay còn sống đáng bao ».

Quả nhiên đồn-đại xôn xao,

Ngựa thiên-ly-mã đem vào dâng luôn.

Nguyên ngày trước Yên-vương cầu-sĩ (1),

Người Quách-Ngôi bèn ví truyện này :

« Ví vua muôn chuốc người hay,

Tôi là xương ngựa xin ngài mua đi ».

Trong thiên-hạ thiếu gì hiền-giả,

Thấy giá cao ai chả tìm vào.

1 — Đời Chiến-quốc bây giờ, dân nước Yên (nay là tỉnh Trục-lộ) không phục vua mới, nổi loạn lên, nước Tề bèn thừa cơ đem quân sang đánh phá cả tôn-miêu, lấy cả báu ngọc, chiếm giữ nửa nước Yên, còn muốn diệt nước Yên mới taôi, dân nước Yên bèn lập Thái-tử cũ lên làm vua gọi là Chiêu-vương tức là ông vua này. Quách-Ngôi làm Tướng-quốc đem nghĩa-dân đuổi nước Tề khôi-phục lại toàn-quốc. Chiêu-vương thế quyết báo thù Tề, khiêm-tôn cầu kẻ hiền-sĩ, bèn Quách-Ngôi nên chọn lấy người hay, để mưu báo Tề, Quách-Ngôi bèn dẫn truyện mua xương ngựa thiên-ly rồi nói xin vua lấy mình làm xương ngựa thiên-ly-mã, thời người hay hơn Quách-Ngôi sẽ thấy giá cao mà tìm đến. Chiêu-vương bèn cho là phải và xây một cái cung cho Quách-Ngôi ở, vua giữ lễ đệ-tử, cung-đôn đồ thực-dụng rất thanh kính, lại đắp một cái đền ở bên sông Dịch-thủy chứa vàng vào trong đền để mời hiền-sĩ thiên-hạ đến, gọi là đền Chiêu hiền hay là Hoàng-kim-đài, tiếng ấy đồn đi hào-kiệt bốn phương tìm đến đông lắm, nước Yên lại giàu thịnh hơn xưa, mấy năm sau bèn đánh phá Tề.

IX — Con trai với con cò

Bên sông Dịch-thủy ngày xưa,
Trai, cò hai chú đều vừa đi ăn.
Trai há miệng định nhắm kiềm miêng,
Cò tới nơi mổ nghiêng ngay vào.
Trai đau cặp vỏ lại mau,
Kẹp mổ cò dấu thê nào không tha.
Cò đau mổ rút ra không tuột,
Lại ấn thêm vào ruột chú trai.
Trai đau cứ kẹp chặt hoài,
Chẳng ai là chịu nhường ai lúc này.
Trai rằng : « Giữ hai ngày không thả,
Thì thắng cò chết lả không sai ».
Cò rằng : « Chỉ nay với mai,
Trời không mưa xuống thắng trai nở giòn ».
Đang đối đáp om xòm bên bãi,
Lão thuyền-chài hớt-hải đi qua.
Cười thầm : Trời hậu đãi ta,
Bắt trai, cò, bỏ rỏ mà tềch ngay.
Tô-Đại đặt truyện này ngày trước,
Vị Triệu Yên hai nước giao công.
Trai, cò thể bắt tương dong,
Nước Tần bên cạnh là ông thuyền-chài. (1)

1 — Tô-Đại 蘇代 là em Tô-Tán ở đời Chiến-quốc học nghề du-thuyết của anh, bây giờ nước Triệu (nay về tỉnh Trưc-lộ) sắp đánh nước Yên, Tô-Đại vì nước Yên sang du-thuyết nước Triệu, nói với vua Triệu là Huệ-vương về truyện « trai cò » này rồi báo Triệu Yên mà đánh nhau thì nước Tần (nay về tỉnh Thiểm-tây) là lão thuyền-chài đó. Huệ-vương cho là phải mà không đánh Yên nữa.

X — Người Biện Trang với hai con hổ

Biện Trang nhân lúc đi đâu,
Gặp hai con hổ cắn nhau giữa đường.
Đương vật-lộn và đương cào cắn,
Tên người nhà toan sấn vào đâm.
Biện Trang giữ lại can ngăn :
« Để yên ta háng đừng chân đứng chờ.
Neu mà vội bây giờ thì dại,
Tất nài con quay lại cắn ta.
Chi bằng ta tạm lui ra,
Rồi đâm có một thê mà được hai. »
Quá nhiên đợi độ vài phút nữa,
Thì một con ngã ngửa nằm trơ.
Một con đau mệt lờ-đờ,
Biện Trang lập tức liền giơ gươm vào.
Đâm con mệt té nhào xuống cỏ,
Được đôi hùm có khó gì đâu.
Đó là một chức rất sâu,
Của người Trần Trần xưa tâu vua Tần.
Vị Hàn, Ngụy hai quân giao-chiến,
Thì Tần đừng vội tiến quân sang.
Chờ cho chiến-cục hầu tàn,
Đâm hùm dùng kế Biện Trang trên này. (1)

1 — Đời Chiến-quốc bây giờ, nước Hàn (nay về tỉnh Hà-nam) với nước Ngụy (nay về tỉnh Hà-nam) sắp đánh nhau, người Trần-Trần làm khách-khanh ở nước Tần, lấy chức Biện Trang đâm hùm báo vua Tần lừa lấy cả hai nước. Nguyên văn thì Biện Trang thấy hai con hổ cắn nhau toan vào đâm, có tên đồng-tử báo kể trên này. Đây đôi đi để qui trọng vào Biện Trang.

XI — Ông lão trên cửa ải với con ngựa

Một ông lão ở trên cửa ải,
Đương cái khi thời-đại nhà Tần (1).

Nhà ông cũng đủ bát ăn,
Nuôi được con ngựa đáng trăm nén vàng.

Bỗng đâu ngựa lạc đàng đi mất,
Người trong làng tấp-nập hỏi thăm.

Ông rằng : « Cũng chưa biết chừng,
Mất ngựa mà đã hẳn rằng họa đâu. »

Ngờ đâu đến hôm sau thấy ngựa,
Nó đủ về con nữa cực hay.

Người làng ai cũng mừng thay,
Ông rằng : « Đã chắc việc này phúc chưa. »

Cậu con ông rất ưa ngựa mới,
Ngày hôm nào cũng cưỡi nhung nhặng.

Thế nào ngã ngựa què chân,
Người làng kéo đến ân-cần xót-xa.

Ông rằng : « Có chi mà nhĩa nhỏ,
Cháu gãy chân may có phúc lành. »

Quả-nhiên vua đắp Tráng-thành, (2)
Dài hơn muôn dặm nhiều quanh biên-thùy.

Trai tráng phải bắt đi phu hết,
Gãy chân tay ốm chết biết bao.

Con ông què được « miễn đao »

1— Tần 秦 trước là một nước mạnh trong bọn Thất-hung đời Chiên-quốc, đến vua Thủy-hoàng diệt sáu nước kia đi, thông-nhất cả Trung-quốc, ấy là nhà Tần.

2 — Vua Thủy-hoàng phòng sợ Hung-nô, không cho vào quây rối Trung-quốc, nên đắp một cái thành ở mé bắc biên-thùy, dài hơn vạn dặm, là một cái đại công-trình trong thế-giới. Tương-truyền lúc đắp dân sự gãy chân tay ốm chết nhiều lắm.

Nhà ông con một phúc nào còn hơn.

Ấy « họa phúc vô môn », là thế,
Chắc chi mà vội kẻ dở hay.

Dở hay chắc tự lòng này.

XII — Con gà, con lợn và con chó

(Đây trở xuống là ngụ-ngôn Việt-nam)

« Con gà cục-tác : « Lá chanh »(1);

« Con lợn ùn-ìn : « Mua hành cho tôi. »

« Con chó khóc đưng khóc ngời :

« Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riêng, »

Ấy bài thơ cổ còn truyền,

Mượn ba con vật răn khuyên thế tình.

Thấy chết ai cũng sợ kinh,

Mà « thang tông-tử (2) » thì tranh nhau đòi.

Đòi phần biếu, đòi chỗ ngồi,

Đòi phiện đòi rượu, tiệc vui thiêu gì.

Người mà cũng đại thê thì.....

1 — Bài này với bài « Mèo Chuột XIII » sau là hai bài thơ ngụ-ngôn cổ, giản dị mà có ý sâu xa. Không biết thiêu mất đi thế nào, nay chỉ còn mỗi bài có bốn câu, đản-bà trẻ-con ai cũng nhớ, dùng hát để ru em, song chỉ đọc truyền khẩu chứ không hiểu nghĩa lý gì cả. Vậy nay cứ để nguyên như nguyên câu thơ cổ ấy, rồi mỗi bài tùy văn thế thêm ra mấy câu phê-bình diễn-giải nữa, để phát-minh cái nghĩa sâu của thơ ra cho dễ hiểu, mà giữ lấy một chút báu cổ trong văn-chương tư-tướng người Việt-Nam ta xưa còn sót lại, những câu thơ mới thêm ra chỉ là phổ-diễn, chứ không phải là nối cho bản-thê thơ thêm dài như cách « họa xạ thêm túc » vậy.

2 — Thang tông-tử tức là một thứ gia-vị để đưa sự chết, như : lá chanh, hành và riêng là ba cái thang tông-tử của gà, lợn và chó đó. v.v.

XIII — Con mèo với con chuột

Kẻ mạnh kia vốn vô-tình,
Kẻ hèn dẫu lạy chí thành nào tha.

Truyện « mèo với chuột » còn ca, (1)
Nhờ tuy giản-dị thể mà ý sâu :

« Con mèo mà trèo cây cau,
« Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà ?
« Chú chuột đi chợ đường xa,
« Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo. »

Chuột thờ mèo đã đến điều,
Mà ra mèo vẫn đi theo ròm hành.

Chuột về có biết sự tình :
Đừng tin tốt lễ mà mình dễ van.

XIV — Hội-nghị súc vật (2)

Trong súc-vật trâu công-nghiệp nhất,
Đứng đầu ra cất đặt chức quyền.

Đặt tờ mời các hội-viên :
Gà, mèo, chó, lợn, hạp phiên hội đồng.

1—Chuột không ở ngọn cau mà mèo lại trèo lên cây cau để hỏi thăm là làm sao? Ý giả ở trong làng nhà quê có những cây cau lão-lang cao lắm. Mèo phải trèo lên ngọn mới trông được rộng mà hỏi thăm được khắp. Văn-từ cũng kỳ, ví Tác-giả ở thời nay, tát đặt đèn : Mèo trèo lên ngọn cau mà đánh vô-tuyền-điện hay gọi vô-tuyền-điện thoại mà hỏi thăm, không thì chiều viễn-kính mà tìm.

2 — Bài này nguyên-văn chữ Hán, về thời Hậu-Lê, khuyết-danh Tác-giả, đầu bài cũ gọi là : « Đại ngưu ngôn 代牛言 » — Thay Trâu nói.

Trâu rằng : « Phép ở trong xã-hội,

Công không quên mà tội không tha.

Biết thời-tiết có bác gà,

Tư-thiên (1) giữ chức liêu mà báo tri.

Bắt chuột chú mèo kia thiện nghệ,

Giữ thóc kho chớ để hư hao.

Đêm hôm thức-nhấc ra vào,

Tuần phòng cậu chó ai nào dám so.

Còn tên lợn ăn no lại ngủ,

Chờ béo rồi đem mỡ thịt ăn ».

Lợn bèn kháng-ngự cãi rằng :

« Tôi làm gì tội thì phân cho tường ? »

Rằng : « I-hức-thời mi nhường gà nợ ;

Phòng gian-phi thua chớ dếm tằm ;

Coi kho kém mần tài năng ;

Ngu lười ở bần lại ấu hại đời ;

Sống vô ích cho thời cho thế ;

Không giết đi thì để mần răng ? »

XV — Con ve với con nhặng (2).

Áo the lướt-thướt phong-phanh,

Ay ve thi-sĩ (3) trên cánh ngâm-vang.

Áo lam biếc dát vàng mũ đỏ,

Nhặng đại-gia nhâng-nhổ đi vào.

1 — Tư-thiên 司天 = Một chức xem thời-tiết thiên-văn.

2 — Bài này nguyên-văn chữ Hán, gọi là « Vũ trùng giốc thặng 羽
虫舟勝 » Loài sâu có cánh tranh nhau hơn kém, làm từ ời Hậu-
Lê mà khuyết-danh tác-giả.

3 — Có tiếng « ve ngâm » nên gọi là thi-sĩ.

Ai ô-trọc, ai thanh-cao,

Cùng nhau tranh-luận biết bao nhiêu nhời.

Nhặng hỏi trước : « Sao người rên rĩ ? »

Ve đáp : « Ta chỉ vị thương đời. »

Nhặng rằng : « Sao chẳng thức-thời,

Nghêu-ngao đồ xác nay đời ai ư.

Càng dài nắng dầu mưa càng dai,

Đời đang vui ai lại ngâm sầu ? »

Ve rằng : « Quý khách ở đâu ? »

Nhặng rằng : « Từ chôn nhà lâu ra chơi,

Từng dự khắp mọi nơi yến tiệc,

Miêng đình-chung trái hết trên cam.

Ve khen : « Bác nhân tâm làm,

Thế thì bác bướng giàu sang đáng rồi.

Kìa những chỗ tanh hôi dơ bẩn,

Ai mà không phải lần cho xa.

Bác thì luồn lọt vào ra,

Những nơi như thế mới là no say.

Chỗ thành quách chẳng may thất-thủ,

Ai không thương « bọc lộ » gớm ghê.

Bác thời càng được no-nê,

Quý hồ thích khẩu chẳng hề động tâm.

Bác lây thế làm hâm làm mộ,

Ta ngậm hơi cam-lọ làm ngon.

Tuyết sương chi xá hao mòn,

Tiêu-tao mây tiếng hú hồn non sông.

Ai nghe mặc ai không cũng mặc,

Thú cỏ hoa tự-đắc một mình. »

Nhặng nghe ve nói bất-bình,

Thẳng bay về chốn mảnh-mảnh trước biên.

HẾT

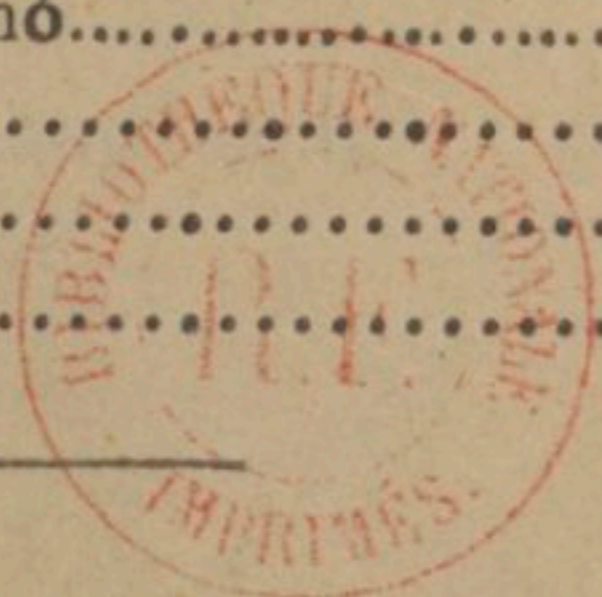
MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ NHẤT

- I. Cái giá áo trước cửa hàng.....12
- II. Con mèo với đàn kiến.....13
- III. Con chuột nhắt với con trâu.....14
- IV. Tôt mã dẻ-cùi.....15
- V. Cát đỏ (của) người, người cất thời (của) ta...16
- VI. Con vẹt nhà với những con vẹt rừng.....17
- VII. Con hươu với con lợn.....18
- VIII. Cái đèn ló với cái đèn cây.....19
- IX. Con tôm với con sứa.....20
- X. Con mèo cái già đeo chuỗi chuông hạt.....22
- XI. Súc gỗ lim với phiến gỗ lim.....23
- XII. Cậu Hai Thọ với đĩa giò.....24
- XIII. Con cú với con mèo.....25
- XIV. Cái lư hương đồng với cái lư hương kim.....26
- XV. Cái đèn trên để với cái hòm chụp ảnh có chân.27
- XVI. Con ngựa nhà với những con ngựa rừng.....28
- XVII. Cây đa cảnh với cây đa cổ thụ.....30
- XVIII. Cái cây với cái chày máu.....31
- XIX. Con sâu dóm với con bướm-bướm.....32
- XX. Con cá chép ao với con cá chép sông.....33
- XXI. Con một sách với bạn nó.....34
- XXII. Cái súng tay với cái túi dết về Thế-kỷ hai-mươi-mốt.....35
- XXIII. Miếng-sắt với thanh bảo-kiềm.....36
- XXIV. Thần Ân-độ, Thần Hy-lạp với Thần Thổ-nhĩ-kỳ.....38

QUYỂN THỨ NHÌ

- I. Nời con chim mẹ.....41
- II. Con ve, con bọ-ngựa, con chim chích, ông Thái-tử và cái hồ-sâu.....43
- III. Thần sông với thần bễ.....45
- IV. Con bọ-ngựa với cái bánh-xe.....46
- V. Lão người nước Tống với những cây lúa....46
- VI. Thằng ăn-cấp gà.....47
- VII. Anh chàng người nước Tê với hai vợ.....48
- VIII. Người Dịch-giả mua xương ngựa thiên-lý....49
- IX. Con trai với con cò.....51
- X. Người Biện-trang với hai con hổ.....52
- XI. Ông lão trên cửa ải với con ngựa.....53
- XII. Con gà, con lợn, và con chó.....54
- XIII. Con mèo với con chuột.....55
- XIV. Hội-ngộ súc-vật.....55
- XV. Con ve với con nhặng.....56



QUYỂN THỨ NHỊ

- I. Nói con chim mẹ..... 41
- II. Lâu đài, con họ ngựa, con chim chích, ông Tản..... 42
- III. Thân sống với bầu bở..... 43
- IV. Con họ ngựa với cái bánh xe..... 44
- V. Lão người nước Tản với những cây tre..... 45
- VI. Những con ngựa..... 46
- VII. Add chẳng người nước Tản với cái ngựa..... 47
- VIII. Người Dịch và con ngựa..... 48
- IX. Con ngựa với con chó..... 49
- X. Người Dịch và con ngựa..... 50
- XI. Ông lão và con ngựa..... 51
- XII. Con ngựa với con chó..... 52
- XIII. Con ngựa với con chó..... 53
- XIV. Hồ người nước Tản..... 54
- XV. Con ngựa với con ngựa..... 55

Sách của Tác-giả

ĐÃ XUẤT BẢN :

- | | |
|-----------------------------------|---------|
| 1 - Quả-dưa đỏ | 0 \$ 75 |
| 2 - Thơ Ngụ-ngôn của Đồ-Nam-tử .. | 0 30 |
| 3 - Việt-văn tinh nghĩa | 0 60 |

Bán tại các cửa hàng sách.

SẴP XUẤT BẢN :

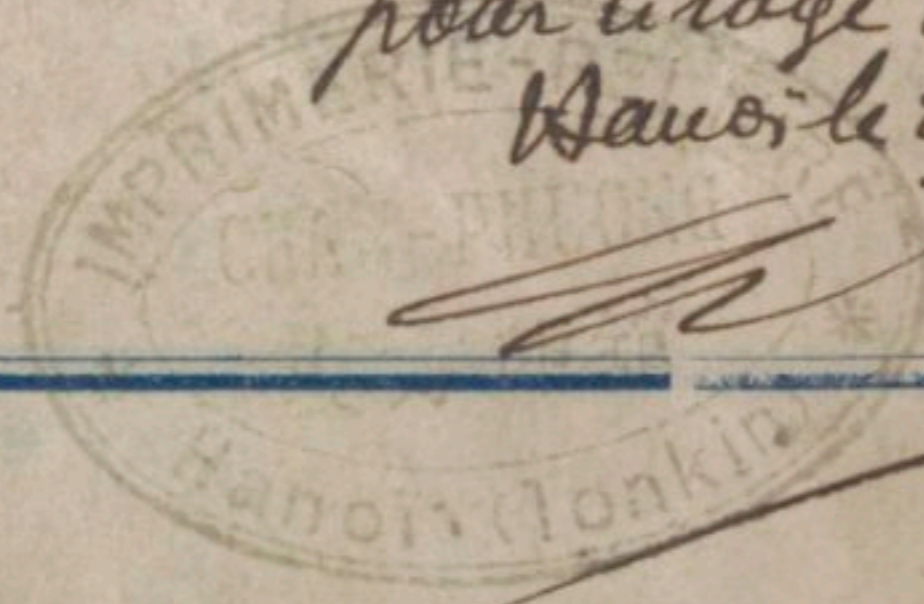
- | | |
|---|--|
| 1 - Cự Lãn-ông | |
| 2 - Một tập du ký của cự Lãn-ông (dịch) | |
| 3 - Hương-chính tinh-nghĩa. | |

歲在戊辰

寓言詩

圖南子著

Dépôt légal
pour tirage de mille exemplaires
Hanoï le 23 Août 1928



[Handwritten signature]